PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 428/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Xét Tờ trình số 13649/TTr-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công văn số 1703/BCT-TCNL ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Bộ Công Thương và ý kiến của các Bộ, ngành về Đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch điện VII điều chỉnh) với các nội dung chính sau đây:

1. Quan điểm phát triển:

a) Phát triển điện đi trước một bước nhằm cung cấp đủ điện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu điện cho sinh hoạt của nhân dân;

b) Sử dụng có hiệu quả nguồn năng lượng sơ cấp trong nước, kết hợp với nhập khẩu điện, nhập khẩu nhiên liệu hợp lý nhằm đa dạng hóa các nguồn năng lượng sơ cấp cho sản xuất điện. Ưu tiên phát triển nguồn điện sử dụng năng

lượng tái tạo, tạo đột phá trong việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo tồn tài nguyên năng lượng, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường trong sản xuất điện;

c) Phát triển đồng bộ nguồn và lưới điện trên cơ sở các nguồn lực và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện đầu tư cân đối giữa phát triển nguồn điện và nhu cầu điện giữa các vùng, miền trên cơ sở sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng sơ cấp của mỗi vùng, miền;

d) Phát triển lưới truyền tải 220 kV, 500 kV trong hệ thống điện quốc gia nhằm bảo đảm truyền tải điện từ các trung tâm điện lực tới các trung tâm phụ tải một cách an toàn, tin cậy và kinh tế; đồng thời chú trọng phát triển các nguồn điện nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo đấu nối với lưới điện phân phối, góp phần giảm tổn thất điện năng;

đ) Từng bước nâng cao chất lượng điện năng để cung cấp dịch vụ điện với chất lượng ngày càng cao. Thực hiện giá bán điện theo cơ chế thị trường nhằm khuyến khích đầu tư phát triển ngành điện; khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm và có hiệu quả;

e) Phát triển thị trường điện lực cạnh tranh theo đúng lộ trình nhằm đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh điện. Nhà nước chỉ giữ độc quyền lưới điện truyền tải để đảm bảo an ninh hệ thống năng lượng quốc gia.

2. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát:

Huy động mọi nguồn lực trong nước và quốc tế cho phát triển điện lực để bảo đảm cung cấp đủ điện với chất lượng ngày càng cao, giá điện hợp lý cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; sử dụng đa dạng, hiệu quả các nguồn năng lượng sơ cấp cho sản xuất điện; đẩy mạnh phát triển và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo cho sản xuất điện, từng bước nâng cao tỷ trọng nguồn điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo nhằm giảm nhẹ sự phụ thuộc vào nguồn điện sản xuất từ than nhập khẩu, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội bền vững; hình thành và phát triển hệ thống điện thông minh, có khả năng tích hợp với nguồn năng lượng tái tạo có tỷ lệ cao;

b) Mục tiêu cụ thể:

- Cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7,0%/năm trong giai đoạn 2016 - 2030:

+ Điện thương phẩm: Năm 2020 khoảng 235 - 245 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 352 - 379 tỷ kWh; năm 2030 khoảng 506 - 559 tỷ kWh;

+ Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2020 khoảng 265 - 278 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 400 - 431 tỷ kWh và năm 2030 khoảng 572 - 632 tỷ kWh.

- Ưu tiên phát triển nguồn năng lượng tái tạo cho sản xuất điện; tăng tỷ lệ điện năng sản xuất từ các nguồn năng lượng tái tạo (không kể nguồn thủy điện lớn và vừa, thủy điện tích năng) đạt khoảng 7% năm 2020 và trên 10% năm 2030.

- Xây dựng hệ thống lưới điện vận hành linh hoạt, khả năng tự động hóa cao từ khâu truyền tải đến khâu phân phối; thực hiện phát triển các trạm biến áp không người trực và bán người trực để nâng cao năng suất lao động ngành điện.

- Đẩy nhanh chương trình điện khí hóa nông thôn, miền núi, đảm bảo đến năm 2020 hầu hết số hộ dân nông thôn được tiếp cận và sử dụng điện.

3. Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia:

a) Quy hoạch phát triển nguồn điện:

- Định hướng phát triển:

+ Phát triển cân đối công suất nguồn trên từng miền: Bắc, Trung và Nam, đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện trên từng hệ thống điện miền nhằm giảm tổn thất truyền tải, chia sẻ công suất nguồn dự trữ và khai thác hiệu quả các nhà máy thủy điện trong mùa mưa và mùa khô;

+ Phát triển hợp lý các trung tâm điện lực, kết hợp với phát triển các nguồn điện vừa và nhỏ tại các vùng, miền trong cả nước nhằm đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện tại chỗ và giảm tổn thất trên hệ thống điện quốc gia cũng như đảm bảo tính kinh tế của các dự án, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho từng vùng và cả nước;

+ Phát triển nguồn điện mới đi đôi với đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ các nhà máy điện đang vận hành; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; sử dụng công nghệ hiện đại đối với các nhà máy điện mới;

+ Đa dạng hóa các hình thức đầu tư phát triển nguồn điện nhằm tăng cường cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Quy hoạch phát triển nguồn điện:

+ Đẩy nhanh phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối v.v…), từng bước gia tăng tỷ trọng của điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo trong cơ cấu nguồn điện:

. Ưu tiên phát triển các nguồn thủy điện, nhất là các dự án lợi ích tổng hợp (chống lũ, cấp nước, sản xuất điện); nghiên cứu đưa nhà máy thủy điện tích năng vào vận hành phù hợp với phát triển của hệ thống điện quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả vận hành của hệ thống điện. Tổng công suất các nguồn thủy điện (bao gồm cả thủy điện vừa và nhỏ, thủy điện tích năng) từ gần 17.000 MW hiện nay lên

khoảng 21.600 MW vào năm 2020, khoảng 24.600 MW vào năm 2025 (thủy điện tích năng 1.200 MW) và khoảng 27.800 MW vào năm 2030 (thủy điện tích năng 2.400 MW). Điện năng sản xuất từ nguồn thủy điện chiếm tỷ trọng khoảng 29,5% vào năm 2020, khoảng 20,5% vào năm 2025 và khoảng 15,5% vào năm 2030;

. Đưa tổng công suất nguồn điện gió từ mức 140 MW hiện nay lên khoảng 800 MW vào năm 2020, khoảng 2.000 MW vào năm 2025 và khoảng 6.000 MW vào năm 2030. Điện năng sản xuất từ nguồn điện gió chiếm tỷ trọng khoảng 0,8% vào năm 2020, khoảng 1% vào năm 2025 và khoảng 2,1% vào năm 2030;

. Phát triển điện sử dụng nguồn năng lượng sinh khối: Đồng phát điện tại các nhà máy đường, nhà máy chế biến lương thực, thực phẩm; thực hiện đồng đốt nhiên liệu sinh khối với than tại các nhà máy điện than; phát điện từ chất thải rắn v.v... Tỷ trọng điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng sinh khối đạt khoảng 1% vào năm 2020, khoảng 1,2% vào năm 2025 và khoảng 2,1% vào năm 2030;

. Đẩy nhanh phát triển nguồn điện sử dụng năng lượng mặt trời, bao gồm cả nguồn tập trung lắp đặt trên mặt đất và nguồn phân tán lắp đặt trên mái nhà: Đưa tổng công suất nguồn điện mặt trời từ mức không đáng kể hiện nay lên khoảng 850 MW vào năm 2020, khoảng 4.000 MW vào năm 2025 và khoảng 12.000 MW vào năm 2030. Điện năng sản xuất từ nguồn điện mặt trời chiếm tỷ trọng khoảng 0,5% năm 2020, khoảng 1,6% vào năm 2025 và khoảng 3,3% vào năm 2030.

+ Phát triển các nhà máy nhiệt điện với tỷ lệ thích hợp, phù hợp với khả năng cung cấp và phân bố của các nguồn nhiên liệu:

. Nhiệt điện sử dụng khí thiên nhiên và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG): Đến năm 2020, tổng công suất khoảng 9.000 MW, sản xuất khoảng 44 tỷ kWh điện, chiếm 16,6% sản lượng điện sản xuất; năm 2025, tổng công suất khoảng 15.000 MW, sản xuất khoảng 76 tỷ kWh điện, chiếm 19% sản lượng điện sản xuất; năm 2030, tổng công suất khoảng 19.000 MW, sản xuất khoảng 96 tỷ kWh điện, chiếm 16,8% sản lượng điện sản xuất.

Khu vực Đông Nam bộ: Bảo đảm nguồn khí ổn định cung cấp cho các nhà máy điện tại: Phú Mỹ, Bà Rịa và Nhơn Trạch.

Khu vực miền Tây Nam Bộ: Khẩn trương đưa khí từ Lô B vào bờ từ năm 2020 để cung cấp cho các nhà máy điện tại các trung tâm điện lực: Kiên Giang và Ô Môn với tổng công suất khoảng 4.500 MW.

Khu vực miền Trung: Dự kiến sau năm 2020 sẽ phát triển các nhà máy điện với tổng công suất khoảng 3.000 MW - 4.000 MW, tiêu thụ khoảng 3,0 đến 4,0 tỷ m^3 khí/năm.

Phát triển hệ thống kho, cảng nhập khẩu LNG tại Sơn Mỹ (Bình Thuận) để bổ sung khí cho các trung tâm điện lực: Phú Mỹ, Nhơn Trạch khi nguồn khí thiên nhiên tại khu vực miền Đông suy giảm; nghiên cứu phương án cung cấp khí bổ sung cho các trung tâm điện lực: Cà Mau, Ô Môn qua đường ống khí liên kết các hệ thống khí khu vực miền Đông và miền Tây Nam bộ;

. Nhiệt điện than: Khai thác tối đa nguồn than trong nước cho phát triển các nhà máy nhiệt điện, ưu tiên sử dụng than trong nước cho các nhà máy nhiệt điện khu vực miền Bắc. Đến năm 2020, tổng công suất khoảng 26.000 MW, sản xuất khoảng 131 tỷ kWh điện, chiếm khoảng 49,3% điện sản xuất, tiêu thụ khoảng 63 triệu tấn than; năm 2025, tổng công suất khoảng 47.600 MW, sản xuất khoảng 220 tỷ kWh điện, chiếm khoảng 55% điện sản xuất, tiêu thụ khoảng 95 triệu tấn than; năm 2030, tổng công suất khoảng 55.300 MW, sản xuất khoảng 304 tỷ kWh, chiếm khoảng 53,2% điện sản xuất, tiêu thụ khoảng 129 triệu tấn than. Do nguồn than sản xuất trong nước hạn chế, cần xây dựng một số nhà máy nhiệt điện tại các trung tâm điện lực: Duyên Hải, Long Phú, Sông Hậu, Long An v.v... sử dụng nguồn than nhập khẩu;

+ Phát triển các nhà máy điện hạt nhân nhằm bảo đảm ổn định cung cấp điện trong tương lai khi nguồn năng lượng sơ cấp trong nước bị cạn kiệt: Đưa tổ máy điện hạt nhân đầu tiên vào vận hành năm 2028; đến năm 2030 nguồn điện hạt nhân có công suất 4.600 MW, sản xuất khoảng 32,5 tỷ kWh chiếm 5,7% sản lượng điện sản xuất;

+ Xuất, nhập khẩu điện: Thực hiện trao đổi điện năng có hiệu quả với các nước trong khu vực, bảo đảm lợi ích của các bên, tăng cường trao đổi để đảm bảo an toàn hệ thống điện, đẩy mạnh nhập khẩu tại các vùng có tiềm năng về thuỷ điện, trước hết là với các quốc gia khu vực Đông Nam Á (ASEAN) và Tiểu vùng sông Mê Kông (GMS);

- Cơ cấu nguồn điện:

+ Năm 2020:

. Tổng công suất các nhà máy điện khoảng 60.000 MW, trong đó: Thủy điện lớn, vừa và thủy điện tích năng khoảng 30,1%; nhiệt điện than khoảng 42,7%; nhiệt điện khí (kể cả LNG) 14,9%; nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo (gồm: thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) 9,9%; nhập khẩu điện 2,4%;

. Điện năng sản xuất và nhập khẩu khoảng 265 tỷ kWh, trong đó: Thủy điện lớn, vừa và thủy điện tích năng khoảng 25,2%; nhiệt điện than khoảng 49,3%; nhiệt điện khí (kể cả LNG) 16,6%; nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo (gồm: thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) 6,5%; nhập khẩu điện 2,4%.

+ Năm 2025:

. Tổng công suất các nhà máy điện khoảng 96.500 MW, trong đó: Thủy điện lớn, vừa và thủy điện tích năng khoảng 21,1%; nhiệt điện than khoảng 49,3%; nhiệt điện khí (kể cả LNG) 15,6%; nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo (gồm: thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) 12,5%; nhập khẩu điện 1,5%;

. Điện năng sản xuất và nhập khẩu khoảng 400 tỷ kWh, trong đó: Thủy điện lớn, vừa và thủy điện tích năng khoảng 17,4%; nhiệt điện than khoảng 55%; nhiệt điện khí (kể cả LNG) 19,1%; nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo (gồm: thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) 6,9%; nhập khẩu điện 1,6%.

+ Năm 2030:

. Tổng công suất các nhà máy điện khoảng 129.500 MW, trong đó: Thủy điện lớn, vừa và thủy điện tích năng khoảng 16,9%; nhiệt điện than khoảng 42,6%; nhiệt điện khí (kể cả LNG) 14,7%; nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo (gồm: thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) 21%; điện hạt nhân 3,6%; nhập khẩu điện 1,2%;

. Điện năng sản xuất và nhập khẩu khoảng 572 tỷ kWh, trong đó: Thủy điện lớn, vừa và thủy điện tích năng khoảng 12,4%; nhiệt điện than khoảng 53,2%; nhiệt điện khí (kể cả LNG) 16,8%; nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo (gồm: thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) 10,7%; điện hạt nhân 5,7%; nhập khẩu điện 1,2%.

Danh mục và tiến độ đưa vào vận hành các dự án nguồn điện tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Quy hoạch phát triển lưới điện:

- Định hướng phát triển:

+ Xây dựng và nâng cấp lưới điện, từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của lưới điện truyền tải; đến năm 2020, lưới điện truyền tải đạt tiêu chuẩn độ tin cậy N-1 cho các thiết bị chính và bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định;

+ Khắc phục được tình trạng quá tải, nghẽn mạch, chất lượng điện áp thấp của lưới điện truyền tải; bảo đảm cung ứng điện với độ tin cậy được nâng cao cho các trung tâm phụ tải;

+ Lưới điện truyền tải 500 kV được xây dựng để truyền tải điện năng từ các trung tâm điện lực lớn về trung tâm phụ tải, liên kết các hệ thống điện miền và trao đổi điện năng với các nước trong khu vực;

+ Lưới điện truyền tải 220 kV được đầu tư xây dựng theo cấu trúc mạch vòng kép, các trạm biến áp trong khu vực có mật độ phụ tải cao cần đảm bảo thiết kế theo sơ đồ hợp lý để đảm bảo có thể vận hành linh hoạt. Nghiên cứu xây dựng các

trạm biến áp GIS, trạm biến áp 220/22 kV, trạm ngầm, trạm biến áp không người trực tại các trung tâm phụ tải. Ứng dụng công nghệ lưới điện thông minh trong truyền tải điện.

- Khối lượng lưới điện truyền tải xây dựng theo từng giai đoạn trong Bảng 1 sau:

Bảng 1. Khối lượng lưới điện truyền tải dự kiến xây dựng đến năm 2030

Hạng mục	Đơn vị	2016 - 2020	2021 - 2025	2026 - 2030
Trạm 500 kV	MVA	26.700	26.400	23.550
Trạm 220 kV	MVA	34.966	33.888	32.750
Đường dây 500 kV	km	2.746	3.592	3.714
Đường dây 220 kV	km	7.488	4.076	3.435

- Các công trình lưới điện quan trọng giai đoạn 2016 - 2020 cần đảm bảo tiến độ đáp ứng yêu cầu cung ứng điện cho các tỉnh phía Nam gồm:

+ Các công trình 500 kV: Nâng cấp các dàn tụ bù 500 kV trên toàn tuyến đường dây 500 kV Bắc - Trung - Nam; xây dựng các đường dây 500 kV: Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên, Duyên Hải - Mỹ Tho - Đức Hòa, Long Phú - Ô Môn, Sông Hậu - Đức Hòa; xây dựng trạm biến áp 500 kV Pleiku 2 (vận hành năm 2016);

+ Các công trình đường dây 220 kV: Hà Tĩnh - Đà Nẵng (vận hành năm 2017); Bình Long - Tây Ninh (2016 - 2017); Vĩnh Tân - Tháp Chàm - Nha Trang và Vĩnh Tân - Phan Thiết - Hàm Tân - Tân Thành.

Danh mục và tiến độ các dự án lưới điện truyền tải cần cải tạo và đầu tư mới tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Liên kết lưới điện với các nước trong khu vực:

- Tiếp tục nghiên cứu hợp tác, liên kết lưới điện với các nước trong khu vực ASEAN và GMS;

- Thực hiện liên kết lưới điện với Lào bằng các tuyến đường dây 220 kV để nhập khẩu điện từ các nhà máy thủy điện tại Nam Lào và Trung Lào;

- Duy trì liên kết lưới điện với Campuchia qua tuyến đường dây 220 kV hiện có; nghiên cứu khả năng tăng cường liên kết lưới điện giữa Việt Nam với Campuchia thông qua các chương trình hợp tác song phương và đa phương;

- Duy trì liên kết mua bán điện giữa Việt Nam và Trung Quốc qua các cấp điện áp 220 kV, 110 kV hiện có; nghiên cứu giải pháp hòa không đồng bộ giữa các hệ thống điện bằng trạm chuyển đổi một chiều - xoay chiều. Tiếp tục nghiên cứu khả năng trao đổi điện năng với Trung Quốc qua lưới điện liên kết với cấp điện áp 500 kV.

d) Về cung cấp điện cho khu vực nông thôn miền núi và hải đảo:

Tiếp tục thực hiện Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện cung cấp điện từ lưới điện quốc gia, kết hợp với việc cung cấp điện từ nguồn năng lượng mới cho khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo; đảm bảo thực hiện được mục tiêu đến năm 2020 hầu hết số hộ dân nông thôn có điện;

đ) Tổng nhu cầu vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư của phát triển nguồn và lưới điện (không tính các nguồn điện được đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT) giai đoạn 2016 - 2030 khoảng 3.206.652 tỷ đồng (tương đương 148 tỷ USD), phân chia theo các giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 2016 - 2020: Khoảng 858.660 tỷ đồng (tương đương gần 40 tỷ USD, trung bình 7,9 tỷ USD/năm). Trong đó 75% cho đầu tư phát triển nguồn điện; 25% cho đầu tư phát triển lưới điện;

- Giai đoạn 2021 - 2030: Khoảng 2.347.989 tỷ đồng (tương đương 108 tỷ USD, trung bình hơn 10,8 tỷ USD/năm). Trong đó 74% cho đầu tư phát triển nguồn điện; 26% cho cho đầu tư phát triển lưới điện.

4. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Nhóm giải pháp đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia:

- Các Tập đoàn: Điện lực Việt Nam (EVN), Dầu khí Việt Nam (PVN), Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) chịu trách nhiệm chính trong phát triển nguồn điện. Tổng công ty truyền tải điện quốc gia chịu trách nhiệm trong phát triển lưới điện truyền tải;

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn nhiên liệu, năng lượng sơ cấp cung cấp cho sản xuất điện;

- Thực hiện các giải pháp để tăng tỷ lệ các nguồn điện sử dụng nguồn năng lượng tái tạo: Xây dựng các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật với các cơ chế khuyến khích phù hợp để đẩy nhanh phát triển nguồn điện sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, trong đó tập trung vào cơ chế giá hỗ trợ cho các dự án sử dụng năng lượng gió, mặt trời, sinh khối, địa nhiệt v.v...

- Thực hiện kế hoạch phát triển điện hạt nhân một cách chặt chẽ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và đảm bảo các mục tiêu hàng đầu là an toàn và hiệu quả. Phối hợp với các nước và các tổ chức quốc tế để đẩy nhanh việc sử dụng năng lượng hạt nhân; từng bước làm chủ công nghệ và phát triển điện hạt nhân vì mục đích hòa bình;

- Thực hiện chính sách ưu đãi về tài chính và mở rộng hợp tác quốc tế để tăng cường công tác tìm kiếm thăm dò, nâng cao trữ lượng và khả năng khai thác than, khí đốt và năng lượng tái tạo, bảo đảm an ninh cung cấp nhiên liệu, năng lượng cho sản xuất điện;

- Tích cực tìm kiếm bổ sung cho các nguồn khí sẽ suy giảm và cạn kiệt trong thời gian tới. Đẩy nhanh đàm phán với các nước để ký hợp đồng nhập khẩu than ổn định, lâu dài để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện;

- Tập trung xây dựng các hệ thống cảng trung chuyển than tại từng miền để tối ưu hóa chi phí nhập khẩu than; đẩy nhanh việc tìm kiếm, đàm phán để nhập khẩu than, LNG ổn định, lâu dài nhằm cung cấp nhiên liệu ổn định cho các nhà máy điện.

b) Giải pháp tạo nguồn vốn đầu tư phát triển ngành điện:

- Đẩy mạnh cổ phần hóa các tổng công ty, công ty phát điện thuộc EVN, PVN và Vinacomin;

- Từng bước tăng khả năng huy động tài chính nội bộ trong các doanh nghiệp ngành điện thông qua các giải pháp: Nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động của các doanh nghiệp ngành điện, bảo đảm có tích lũy, đảm bảo tỷ lệ vốn tự có cho đầu tư phát triển theo yêu cầu của các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế, tiến tới nguồn huy động vốn chính cho các công trình điện là vốn tự tích lũy của các doanh nghiệp;

- Phát triển các tập đoàn, tổng công ty hoạt động trong ngành điện có tín nhiệm tài chính cao để giảm chi phí huy động vốn cho các dự án điện, tự huy động vốn không cần đến sự hỗ trợ bảo lãnh của Chính phủ;

- Tăng cường huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu trong và ngoài nước để đầu tư các công trình điện, áp dụng biện pháp chuyển tiết kiệm trong nước thành vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng. Trong giai đoạn đầu, Nhà nước bảo lãnh phát hành trái phiếu cho các dự án điện trọng điểm, cấp bách;

- Thực hiện liên doanh trong nước và nước ngoài nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước tham gia xây dựng phát triển các dự án điện, cảng trung chuyển nhập than, cơ sở hạ tầng cho các dự án phát triển LNG;

- Thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp ngành điện Nhà nước không cần giữ 100% vốn;

- Tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào phát triển các dự án điện. Ưu tiên các dự án FDI có thể thanh toán bằng tiền trong nước, hoặc thanh toán bằng đổi hàng và không yêu cầu bảo lãnh của Chính phủ;

- Tăng cường thu hút các nguồn vốn từ nước ngoài, bao gồm: Vốn viện trợ phát triển chính thức ưu đãi, viện trợ phát triển chính thức không ưu đãi, vay thương mại nước ngoài v.v... vào phát triển các công trình điện.

c) Giải pháp về giá điện:

- Thực hiện giá bán điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa các mục tiêu chính trị - kinh tế - xã hội của Nhà nước và mục tiêu sản xuất kinh doanh, tự chủ tài chính của các doanh nghiệp

ngành điện. Giá bán điện cần kích thích phát triển điện, tạo môi trường thu hút đầu tư và khuyến khích cạnh tranh trong các khâu sản xuất, truyền tải, phân phối, bán lẻ và sử dụng điện.

- Giá bán điện phải bảo đảm thu hồi được chi phí và có mức lợi nhuận hợp lý (thành phần đầu tư tái sản xuất mở rộng) nhằm bảo đảm các doanh nghiệp ngành điện tự chủ được về tài chính.

- Tiếp tục cải tiến và hoàn thiện biểu giá điện hiện hành theo hướng:

+ Thực hiện điều chỉnh giá bán điện theo thay đổi của giá nhiên liệu, tỷ giá hối đoái, cơ cấu sản lượng điện phát và giá trên thị trường điện.

+ Giảm dần tiến tới bỏ bù chéo giữa các nhóm khách hàng, giữa các miền; nghiên cứu thực hiện biểu giá bán điện theo mùa và theo vùng.

+ Bổ sung biểu giá điện hai thành phần: Giá công suất và giá điện năng, trước tiên áp dụng cho các khách hàng sử dụng điện lớn.

- Giá bán điện cần phải xem xét tới các đặc thù vùng và cư dân các vùng biên giới, hải đảo, nông thôn, miền núi v.v... với điều tiết trợ giá, trợ thuế cần thiết để giảm bớt cách biệt về hưởng thụ năng lượng điện, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa giữa các khu vực và bộ phận dân cư, giữa miền núi và miền xuôi, giữa nông thôn và thành thị.

- Giá điện được điều chỉnh dần từng bước nhằm đạt chi phí biên dài hạn của hệ thống điện để bảo đảm cho ngành điện có khả năng phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển hệ thống điện.

- Việc định giá bán điện phải nhằm mục tiêu bảo tồn năng lượng, tránh lãng phí nguồn năng lượng không tái tạo, khuyến khích sử dụng hợp lý các dạng năng lượng và sử dụng năng lượng nội địa, giảm phụ thuộc năng lượng ngoại nhập.

d) Giải pháp về đổi mới tổ chức quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động điện lực:

- Nghiên cứu và triển khai thực hiện các mô hình quản lý ngành điện phù hợp nhằm nâng cao năng suất lao động, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án điện, nâng cao độ tin cậy trong vận hành hệ thống điện.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành điện để từng bước phát triển thị trường điện cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở bảo đảm an ninh cung cấp điện, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh điện; đưa ra tín hiệu giá một cách công khai, minh bạch để thu hút đầu tư, phát triển ngành điện bền vững.

đ) Các giải pháp về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường của dự án và đánh giá môi trường chiến lược của các quy hoạch.

- Tăng cường, củng cố tổ chức quản lý môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện lực.

- Sử dụng chất thải tro xỉ các nhà máy nhiệt điện than cho sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành công nghiệp khác nhằm giảm diện tích bãi thải cho các dự án nhà máy nhiệt điện bảo đảm theo đúng quy định.

- Thực hiện đầy đủ công tác theo dõi, quan trắc, đo đạc và quản lý các chỉ tiêu môi trường; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường của doanh nghiệp ngành điện.

- Triển khai có hiệu quả chương trình tiết kiệm điện, nâng cao hiệu suất trong các lĩnh vực sản xuất, truyền tải, phân phối và sử dụng điện.

- Kết hợp phát triển ngành điện với bảo vệ môi trường:

+ Nhà nước có chính sách hỗ trợ về đầu tư, thuế để phát triển các dạng năng lượng ít ảnh hưởng và góp phần cải thiện môi trường: Năng lượng mới và tái tạo; sử dụng chất phế thải của nông lâm nghiệp, rác thải của các thành phố để phát điện v.v...

+ Quản lý chặt chẽ công nghệ phát điện về phương diện môi trường. Các công nghệ được lựa chọn phải tiên tiến, hiệu suất cao, ít ảnh hưởng đến môi trường.

- Xây dựng các quy chế tài chính về môi trường ngành điện, tính đúng, tính đủ chi phí môi trường trong đầu tư, giá thành.

- Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ nhiều năng lượng tăng cường hợp tác với các nước thực hiện cơ chế phát triển sạch (CDM) dưới các hình thức: Phát triển nguồn năng lượng mới và tái tạo; nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và phát triển các dự án bảo tồn năng lượng.

e) Giải pháp và chính sách phát triển khoa học - công nghệ:

- Hoàn thiện, hiện đại hóa và đổi mới công nghệ thiết bị điện để phát triển năng lượng cho trước mắt cũng như lâu dài.

- Xác định mô hình và lộ trình công nghệ nguồn và lưới điện thích hợp, đảm bảo phát triển ổn định và phù hợp với điều kiện Việt Nam về tiềm năng tài nguyên, khả năng đầu tư, giá thành hợp lý và bảo vệ môi trường.

- Các công trình điện được xây dựng mới phải có công nghệ hiện đại, phù hợp với điều kiện kinh tế của Việt Nam; từng bước nâng cấp, cải tạo công trình hiện có để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, kinh tế và môi trường.

- Kết hợp giữa công nghệ mới hiện đại và hoàn thiện cải tiến công nghệ hiện có nhằm nâng cao hiệu suất, tiết kiệm năng lượng.

- Khuyến khích sử dụng các công nghệ mới ở các nhà máy nhiệt điện: Buồng đốt phun, tầng sôi, thông số hơi siêu tới hạn, trên siêu tới hạn, chu trình tuabin khí hỗn hợp; công nghệ xử lý chất thải tiên tiến v.v... để nâng cao hiệu suất và bảo vệ môi trường, giảm diện tích đất sử dụng cho bãi thải tro xỉ.

- Cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa lưới truyền tải và phân phối điện, nhằm giảm tổn thất, đảm bảo an toàn, tin cậy.

- Hiện đại hóa hệ thống điều độ, vận hành, thông tin liên lạc, điều khiển và tự động hóa phục vụ điều độ lưới điện trong nước và liên kết khu vực.

- Từng bước áp dụng các biện pháp khuyến khích và bắt buộc đổi mới công nghệ, thiết bị của các ngành sử dụng nhiều điện (thép, xi măng, hóa chất); hạn chế, tiến tới cấm nhập khẩu các thiết bị cũ, hiệu suất thấp trong sản xuất và sử dụng điện năng.

g) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Về công tác đào tạo nguồn nhân lực: Phát triển khối các trường chuyên ngành điện lực, phấn đấu để xây dựng một số trường đạt tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng chương trình chuẩn thống nhất trong ngành về đào tạo các lĩnh vực chuyên sâu.

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành then chốt trong các lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chú trọng đào tạo nghề để có đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề đủ khả năng nắm bắt và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý, nâng dần chất lượng đào tạo lên ngang tầm các nước trong khu vực và thế giới.

- Đổi mới chương trình đào tạo nguồn nhân lực ngành điện, đa dạng hóa hình thức đào tạo và gắn liền đào tạo với thực tế sản xuất; chú trọng công tác tuyển chọn và gửi cán bộ khoa học, cán bộ quản lý đi đào tạo ở nước ngoài thuộc các lĩnh vực mũi nhọn. Đào tạo bổ sung, đón đầu cho những ngành còn thiếu, còn yếu, nhất là các ngành điện hạt nhân, năng lượng mới. Xây dựng cơ chế đãi ngộ thích đáng để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Triển khai sắp xếp, tổ chức lại mô hình sản xuất một cách khoa học hợp lý, đảm bảo sử dụng lao động có hiệu quả và nâng cao năng suất lao động.

h) Xây dựng và phát triển ngành cơ khí điện và nội địa hóa:

- Tăng cường đầu tư và đa dạng hóa nguồn vốn, thu hút sự tham gia của nước ngoài vào công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị, phụ tùng của các ngành điện. Các cơ sở sản xuất thiết bị, phụ tùng điện phấn đấu để các sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Hình thành một số liên hợp nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị điện với các nhà máy cơ khí chế tạo làm nòng cốt.

- Xây dựng các trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện hiện đại để có thể tự sửa chữa, kiểm định các thiết bị điện.

- Đổi mới hiện đại hóa các nhà máy cơ khí điện hiện có, mở rộng liên doanh, xây dựng các nhà máy mới, tạo ra các khu vực chế tạo thiết bị điện.

i) Giải pháp về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng nói chung và điện năng nói riêng trong sản xuất kinh doanh và tiêu dùng trong các hộ gia đình.

- Triển khai rộng rãi, nâng cao hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả với mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 tiết kiệm nhu cầu điện năng thương phẩm được trên 10% tổng điện năng tiêu thụ.

Điều 2. Nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan:

1. Bộ Công Thương:

a) Chỉ đạo, kiểm tra định kỳ, đôn đốc các chủ đầu tư, nhà thầu và các đơn vị liên quan thực hiện đúng tiến độ và có hiệu quả các dự án được phê duyệt tại Quyết định này; báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét xử lý đối với các dự án chậm tiến độ gây ảnh hưởng lớn đến cung cấp điện;

b) Giám sát chặt chẽ tình hình cung - cầu điện, tiến độ thực hiện các dự án nguồn và lưới điện để quyết định điều chỉnh tiến độ các dự án trong quy hoạch được duyệt hoặc xem xét báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung các dự án mới vào quy hoạch hoặc loại bỏ các dự án không cần thiết ra khỏi quy hoạch cho phù hợp với yêu cầu thực tế phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn;

c) Chỉ đạo lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch địa điểm, quy hoạch chi tiết các trung tâm nhiệt điện than, nhiệt điện khí, quy hoạch thủy điện, bậc thang thủy điện các dòng sông để kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư xây dựng. Chỉ đạo việc phát triển, nhập khẩu các nguồn khí thiên nhiên, LNG, than cho sản xuất điện, công nghiệp và các nhu cầu cần thiết khác;

d) Chỉ đạo phát triển cảng trung chuyển than, cơ sở hạ tầng LNG, xem xét đề xuất giải pháp thu hút vốn tư nhân trong nước và nước ngoài vào đầu tư các công trình này;

đ) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo;

e) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành thực hiện việc đàm phán ký kết hợp tác, trao đổi điện với các nước láng giềng và tham gia của Việt Nam vào hệ thống điện liên kết giữa các nước trong khu vực GMS;

g) Chỉ đạo, đôn đốc các địa phương, các chủ đầu tư thực hiện tốt các dự án phát triển nguồn và lưới điện (kể cả lưới điện nông thôn) theo kế hoạch và tiến độ được duyệt;

h) Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện các điều kiện cần thiết (pháp lý, hạ tầng kỹ thuật v.v…) cho việc phát triển thị trường bán buôn và bán lẻ điện theo Lộ trình đã được phê duyệt;

i) Chỉ đạo nghiên cứu, chế tạo trong nước thiết bị của các dự án nhà máy nhiệt điện than, điện hạt nhân và thủy điện;

k) Nghiên cứu ban hành quy định về chủng loại than nhập khẩu, các công nghệ nhà máy nhiệt điện than để đảm bảo tiêu chuẩn môi trường và giảm phát thải khí CO_2;

l) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện chương trình tiết kiệm điện giai đoạn 2016 - 2020;

m) Tổ chức làm việc với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thống nhất qũy đất dành cho các dự án điện, đảm bảo thực hiện các dự án đúng tiến độ theo quy hoạch đã được duyệt;

n) Tiếp tục nghiên cứu giải quyết các vấn đề về: Dòng ngắn mạch trong hệ thống điện; tăng cường liên kết lưới điện truyền tải với phương thức truyền tải điện bằng dòng điện xoay chiều hoặc một chiều; tiêu chí N-1 của lưới điện truyền tải và đề xuất các phạm vi cần đáp ứng tiêu chí N-2; nâng cao ổn định góc, ổn định tần số và điện áp của hệ thống điện quốc gia;

o) Ban hành cơ chế xử lý các dự án điện chậm tiến độ;

p) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế ủy quyền, phân cấp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định để tạo điều kiện bảo đảm tiến độ cho các dự án điện;

q) Nghiên cứu xu thế kết nối lưới điện với các nước trong khu vực trên cơ sở nâng cao độ tin cậy hệ thống điện;

r) Nghiên cứu tổ chức lập quy hoạch các trung tâm điện lực: Long An, Tân Phước, Bạc Liêu, làm rõ tính khả thi, sự cần thiết của các nhà máy điện trong các trung tâm điện lực này.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Xây dựng cơ chế chính sách để thu hút đầu tư và sử dụng hợp lý nguồn vốn ODA nhằm tạo điều kiện cho ngành điện phát triển đồng bộ, cân đối, hợp lý và bền vững.

3. Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng các cơ chế huy động vốn đầu tư phát triển ngành điện nhằm đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu điện của toàn xã hội theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh được duyệt.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trong nước cân đối vốn, xem xét cho chủ đầu tư các dự án điện vay theo yêu cầu thực tế của từng dự án, đảm bảo yêu cầu phát triển ngành điện bền vững.

5. Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

a) Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện đầu tư các dự án nguồn điện theo nhiệm vụ được giao; đầu tư phát triển các công trình lưới điện đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư;

b) Thực hiện các giải pháp nhằm tiếp tục giảm tổn thất điện năng; chương trình tiết kiệm điện trong sản xuất và tiêu dùng;

c) Tiếp tục nâng cao năng suất lao động để tối ưu hóa chi phí trong các khâu phát điện, truyền tải, phân phối và kinh doanh bán điện;

d) Đối với một số dự án lưới điện quan trọng, chỉ đạo Chủ đầu tư phải cắm mốc hành lang tuyến ngay khi báo cáo nghiên cứu khả thi dự án được phê duyệt.

6. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:

a) Chủ trì nghiên cứu phương án khai thác các nguồn khí từ mỏ Cá Voi Xanh và Lô B, phương án nhập khẩu LNG hợp lý và đảm bảo hiệu quả, phù hợp với nhu cầu sử dụng; báo cáo Bộ Công Thương xem xét trình Thủ tướng Chính phủ. Đầu tư các dự án nguồn điện theo nhiệm vụ được giao;

b) Phối hợp với nhà đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài để đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng cho việc nhập khẩu LNG.

7. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam:

a) Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp than cho sản xuất điện và các nhu cầu khác của nền kinh tế quốc dân từ các nguồn than trong nước và nhập khẩu. Đầu tư các dự án nguồn điện theo nhiệm vụ được giao;

b) Phối hợp với nhà đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài để đầu tư xây dựng các cảng trung chuyển than.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, di dân, tái định cư cho các dự án nguồn điện, lưới điện theo quy định;

b) Cập nhật, bố trí qũy đất các công trình điện được duyệt vào quy hoạch sử dụng đất và công bố công khai;

c) Tăng cường công tác quản lý đất đai để tránh tranh chấp, khiếu kiện làm kéo dài thời gian xác định nguồn gốc đất, kê kiểm, lập, phê duyệt phương án bồi thường và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư để thi công công trình; đẩy nhanh tiến độ trong công tác khảo sát, lập đơn giá và phê duyệt đơn giá bồi thường để không làm ảnh hưởng đến tiến độ phê duyệt phương án bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân;

d) Ban hành các quy định, hướng dẫn kịp thời để các đơn vị liên quan áp dụng thực hiện, phù hợp với yêu cầu tiến độ của dự án; có hình thức xử lý nghiêm đối với các trường hợp cố tình cơi nới nhà cửa, vật kiến trúc, trồng thêm cây trong hành lang tuyến để đòi bồi thường hoặc không chịu nhận tiền bồi thường theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn: Điện lực Việt Nam, Dầu khí Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN VÀO VẬN HÀNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 1. Danh mục các dự án nguồn điện vào vận hành giai đoạn 2016 - 2020

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
	Công trình vận hành năm 2016		
1	TĐ Nho Quế 2	48	IPP
2	TĐ Nho Quế 1	32	IPP
3	TĐ Nậm Na 3	84	IPP
4	TĐ Nậm Toóng	34	IPP
5	TĐ Bắc Mê	45	IPP
6	TĐ Bá Thước 1	60	IPP
7	TĐ Sông Tranh 3	62	IPP
8	TĐ Huội Quảng #2	260	EVN
9	TĐ Lai Châu #2,3	2 x 400	EVN
10	TĐ Trung Sơn #1,2	2 x 65	EVN
11	TĐ Nhạn Hạc	59	IPP
12	TĐ Sông Bung 2	100	EVN
13	TĐ Sêkaman 1 (Lào)	290	Cty Điện Việt Lào
14	TĐ Sông Tranh 4	48	IPP
15	TĐ Đăk Mi 2	98	IPP
16	NĐ Formosa Hà Tĩnh #2	150	IPP - nhiên liệu than
17	NĐ Formosa Hà Tĩnh #3,4	2 x 100	IPP - nhiên liệu khí lò cao
18	NĐ Formosa Hà Tĩnh #5	150	IPP - nhiên liệu than
19	TĐ Đăk Mi 3	45	IPP
20	NĐ Formosa Đồng Nai #3	150	IPP
21	NĐ than Vê Đan	60	IPP (đồng phát)
22	NĐ Duyên Hải III #1	600	EVN
23	NMĐ sinh khối KCP #1	30	IPP (Phú Yên)

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
24	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	260	
	Công trình vận hành năm 2017		
1	TĐ Chi Khê	41	IPP
2	TĐ Lông Tạo	42	IPP
3	TĐ Trung Sơn #3,4	2 x 65	EVN
4	TĐ Yên Sơn	70	Cty Cổ phần Tập đoàn XD & DL Bình Minh
5	TĐ Trà Khúc 1	36	IPP
6	TĐ Sêkaman Xanxay (Lào)	32	Cty CP Điện Việt Lào
7	TĐ Thác Mơ mở rộng	75	EVN
8	NĐ Thái Bình I #1,2	2 x 300	EVN
9	NĐ Thái Bình II #1	600	PVN
10	NĐ Duyên Hải III #2	600	EVN
11	NĐ hóa dầu Long Sơn #1	75	IPP (đồng phát)
12	Điện sinh khối An Khê #1	55	Cty CP Đường Quảng Ngãi
13	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	360	
	Công trình vận hành năm 2018		
1	TĐ Sông Lô 6	44	Cty TNHH Xuân Thiện Hà Giang
2	TĐ Hồi Xuân	102	IPP
3	TĐ Sông Miện 4	38	IPP
4	TĐ La Ngâu	36	Cty CP thủy điện La Ngâu
5	TĐ Đăk Mi 1	54	IPP
6	TĐ Đa Nhim mở rộng	100	EVN
7	TĐ Sêkaman 4 (Lào)	80	Cty CP Điện Việt Lào
8	TĐ A Lin	62	IPP
9	NĐ Thăng Long #1	300	Cty CP Nhiệt điện Thăng Long

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
10	NĐ Thái Bình II #2	600	PVN
11	NĐ Vĩnh Tân IV #1,2	2 x 600	EVN
12	NĐ Long Phú I #1	600	PVN
13	NĐ hóa dầu Long Sơn #2,3	2 x 75	IPP (đồng phát)
14	NMĐ sinh khối KCP #2	30	IPP (Phú Yên)
15	Điện sinh khối An Khê #2	55	Cty CP Đường Quảng Ngãi
16	NĐ sinh khối Lee&Man	125	Cty TNHH Giấy Lee & Man Việt Nam (đồng phát)
17	Điện gió Khai Long (Cà Mau)	100	Cty TNHH XD - TM - DL Công Lý
18	Điện gió Bạc Liêu giai đoạn III	142	Cty TNHH XD - TM - DL Công Lý
19	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	520	
	Công trình vận hành năm 2019		
1	TĐ Bảo Lâm 3	46	IPP
2	TĐ Pắc Ma	140	Cty CP thủy điện Pắc Ma
3	TĐ Thượng Kon Tum #1,2	2 x 110	EVN
4	NĐ Thăng Long #2	300	Cty CP Nhiệt điện Thăng Long
5	NĐ đồng phát Hải Hà 1	3 x 50	IPP (trong KCN)
6	NĐ Na Dương II	110	Vinacomin
7	NĐ Long Phú I # 2	600	PVN
8	NĐ Sông Hậu I #1,2	2 x 600	PVN
9	NĐ Duyên Hải III mở rộng	660	EVN
10	NĐ Vĩnh Tân I #1,2	2 x 600	CSG - CPIH - Vinacomin (BOT)
11	NĐ Vĩnh Tân IV mở rộng	600	EVN
12	Cụm thủy điện nhỏ Nậm Củm 1,4,5	65	IPP
13	Điện gió Trung - Nam	90	IPP (Ninh Thuận)

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
14	Điện gió Sóc Trăng	99	Cty TNHH XD - TM - DL Công Lý
15	Điện mặt trời Thiên Tân 1	300	IPP (Ninh Thuận)
16	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	450	
	Công trình vận hành năm 2020		
1	TĐ Nậm Pàn 5	35	IPP
2	TĐ Nậm Mô (Việt Nam)	95	IPP
3	TĐ Ialy mở rộng	360	EVN
4	Formosa Hà Tĩnh #6,7	2 x 150	IPP - nhiên liệu than
5	Formosa Hà Tĩnh #8,9	2 x 100	IPP - nhiên liệu khí lò cao
6	Formosa Hà Tĩnh #10	150	IPP - nhiên liệu than
7	NĐ Hải Dương #1	600	Jaks Resources Bhd (BOT)
8	NĐ Cẩm Phả III #1,2	2 x 220	Vinacomin
9	NĐ Công Thanh	600	Cty Cổ phần Nhiệt điện Công Thanh
10	TBKHH Ô Môn III	750	EVN
11	Cụm thủy điện nhỏ Nậm Củm 2,3,6	54	IPP
12	Điện gió Hanbaram	117	IPP
13	Điện mặt trời Thiên Tân 2	400	IPP (Ninh Thuận)
14	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	470	

Bảng 2. Danh mục các dự án nguồn điện vào vận hành giai đoạn 2021 - 2025

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
	Công trình vận hành năm 2021		
1	TĐ Mỹ Lý	250	IPP
2	TĐ Hòa Bình mở rộng #1	240	EVN
3	NĐ Nghi Sơn II #1	600	Marubeni - Kepco (BOT)

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
4	NĐ Vũng Áng II #1	600	VAPCO (BOT)
5	NĐ Hải Dương #2	600	Jaks Resources Bhd (BOT)
6	NĐ Nam Định I #1	600	Taekwang Power Holdings - ACWA Power (BOT)
7	NĐ Quảng Trạch I #1	600	PVN
8	TBKHH Kiên Giang I	750	PVN
9	TBKHH Ô Môn IV	750	EVN
10	NĐ Duyên Hải II #1,2	2 x 600	Janakuasa SDN BHD (BOT)
11	NĐ Sông Hậu II #1	1000	Toyo Ink (BOT)
12	NĐ Long Phú II #1	660	TATA Power (BOT)
13	NĐ Long Phú III #1	600	PVN
14	NĐ Uông Bí ngừng phát điện	105	EVN
15	Điện mặt trời Thiên Tân 3	300	IPP (Ninh Thuận)
16	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	790	
	Công trình vận hành năm 2022		
1	TĐ Bản Mồng (Sông Hiếu)	60	IPP
2	TĐ Hòa Bình mở rộng #2	240	EVN
3	TĐ Đăk Re	60	IPP
4	NĐ đồng phát Hải Hà 2	5 x 150	IPP
5	NĐ Lục Nam #1	50	IPP
6	NĐ Quỳnh Lập I #1	600	Vinacomin
7	NĐ Vũng Áng II #2	600	VAPCO (BOT)
8	NĐ Nghi Sơn II #2	600	Marubeni - Kepco (BOT)
9	NĐ Nam Định I #2	600	Taekwang Power Holdings - ACWA Power (BOT)
10	NĐ Quảng Trạch I #2	600	PVN
11	NĐ Vĩnh Tân III #1	660	VTEC (BOT)

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
12	NĐ Sông Hậu II #2	1000	Toyo Ink (BOT)
13	NĐ Long Phú II #2	660	TATA Power (BOT)
14	NĐ Long Phú III #2,3	2 x 600	PVN
15	NĐ Vân Phong I #1	660	Sumitomo (BOT)
16	TBKHH Kiên Giang II	750	PVN
17	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	1200	
	Công trình vận hành năm 2023		
1	TĐ cột nước thấp Phú Thọ	105	Cty Cổ phần Tập đoàn XD & DL Bình Minh
2	NĐ Quỳnh Lập I #2	600	Vinacomin
3	NĐ Lục Nam #2	50	IPP
4	NĐ Quảng Trị #1	600	EGATi (BOT)
5	TBKHH Miền Trung I	750	PVN
6	TBKHH Dung Quất I	750	Sembcorp (BOT)
7	NĐ Vĩnh Tân III #2,3	2 x 660	VTEC (BOT)
8	NĐ Vân Phong I #2	660	Sumitomo (BOT)
9	TBKHH Sơn Mỹ II #1	750	PVN
10	TĐ tích năng Bác Ái #1,2	2 x 300	EVN
11	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	1000	
	Công trình vận hành năm 2024		
1	NĐ Vũng Áng III #1	600	Samsung C&T (BOT)
2	NĐ Quảng Trị #2	600	EGATi (BOT)
3	TBKHH Miền Trung II	750	PVN
4	TBKHH Dung Quất II	750	Sembcorp (BOT)
5	NĐ Long An I #1	600	
6	TBKHH Sơn Mỹ II #2	750	PVN
7	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	1200	

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
	Công trình vận hành năm 2025		
1	TĐ Trị An mở rộng	200	EVN
2	NĐ Hải Phòng III #1	600	Vinacomin
3	NĐ đồng phát Hải Hà 3	2 x 300	IPP
4	NĐ đồng phát Rạng Đông	100	IPP
5	NĐ Vũng Áng III #2	600	Samsung C&T (BOT)
6	NĐ Long An I #2	600	
7	TBKHH Sơn Mỹ II #3	750	PVN
8	TĐ tích năng Bác Ái #3,4	2 x 300	EVN
9	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	1800	

Bảng 3. Danh mục các dự án nguồn điện vào vận hành giai đoạn 2026 - 2030

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
	Công trình vận hành năm 2026		
1	TĐ Nậm Mô 1 (Lào)	72	IPP
2	NĐ Hải Phòng III #2	600	Vinacomin
3	NĐ Quỳnh Lập II #1	600	BOT
4	TBKHH Miền Trung III (nếu khí cho hóa dầu không khả thi)	750	PVN
5	NĐ Long An II #1	800	
6	TBKHH Ô Môn II	750	
7	TBKHH Sơn Mỹ I #1	750	GDF SUEZ/Sojitz-Pacific (BOT)
8	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	2160	
	Công trình vận hành năm 2027		
1	NĐ Quỳnh Lập II #2	600	BOT
2	TBKHH Sơn Mỹ I #2	750	GDF SUEZ/Sojitz-Pacific (BOT)

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
3	NĐ Long An II #2	800	
4	NĐ Tân Phước I #1	600	
5	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	2910	
	Công trình vận hành năm 2028		
1	TĐ tích năng Đông Phù Yên #1	300	Cty Xuân Thiện
2	NĐ đồng phát Hải Hà 4	2 x 300	IPP
3	NĐ Quảng Trạch II #1	600	
4	Điện hạt nhân Ninh Thuận I #1	1200	EVN
5	NĐ Tân Phước I #2	600	
6	NĐ Tân Phước II #1 (*)	600	
7	TBKHH Sơn Mỹ I #3	750	GDF SUEZ/Sojitz-Pacific (BOT)
8	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	3240	
	Công trình vận hành năm 2029		
1	TĐ tích năng Đông Phù Yên #2	300	Cty Xuân Thiện
2	NĐ Quảng Ninh III #1	600	
3	NĐ Vũng Áng III #3 (*)	600	
4	NĐ Quảng Trạch II #2	600	
5	NĐ Tân Phước II #2 (*)	600	
6	NĐ Bạc Liêu I #1 (*)	600	
7	Điện hạt nhân Ninh Thuận I #2	1200	EVN
8	Điện hạt nhân Ninh Thuận II #1	1100	EVN
9	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	3350	
	Công trình vận hành năm 2030		
1	TĐ Huổi Tạo	180	
2	TĐ tích năng Đông Phù Yên #3	300	Cty Xuân Thiện
3	TĐ tích năng Đơn Dương #1	300	EVN
4	NĐ Quảng Ninh III #2	600	

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
5	NĐ Vũng Áng III #4 (*)	600	
6	NĐ Bạc Liêu I #2 (*)	600	
7	Điện hạt nhân Ninh Thuận II #2	1100	EVN
8	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	3530	

Ghi chú: (*) Các nhà máy dự phòng cho trường hợp các nguồn điện từ năng lượng tái tạo không đạt được tiến độ và quy mô công suất như kỳ vọng (27.000 MW vào năm 2030).

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN VÀO VẬN HÀNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 1. Danh mục các trạm biến áp 500 kV vận hành giai đoạn 2016 - 2030

TT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2016 - 2020		
	Miền Bắc	**12150**	
1	Tây Hà Nội	900	Xây mới, lắp máy biến áp 1
2	Đông Anh	1800	Xây mới
3	Phố Nối	1500	Xây mới, lắp máy biến áp 1 (600 MVA), lắp máy biến áp 2 (900 MVA)
4	Việt Trì	450	Xây mới
5	Sơn La	1800	Thay 2 máy biến áp, truyền tải thủy điện
6	Lai Châu	900	Xây mới, ngoài nhà máy thủy điện
7	Nghi Sơn	900	Xây mới đồng bộ Nhiệt điện Nghi Sơn 2
8	Vũng Áng	1800	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 1, lắp máy biến áp 2
9	Quảng Ninh	1200	Cải tạo nâng công suất cả 2 máy biến áp, đảm bảo N-1
10	Thường Tín	900	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 2, đảm bảo cấp điện Hà Nội
	Miền Trung	**900**	
1	Pleiku 2	900	Xây mới, nhập khẩu thủy điện Nam Lào
	Miền Nam	**13650**	
1	Cầu Bông	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
2	Nhà Bè	1800	Cải tạo thay 2 máy biến áp 600 MVA
3	Củ Chi	900	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
4	Tân Uyên	1800	Xây mới
5	Tân Định	1800	Cải tạo nâng công suất cả 2 máy biến áp

TT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
6	Chơn Thành	900	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
7	Long Thành	900	Xây mới
8	Đức Hòa	900	Xây mới
9	Mỹ Tho	1800	Xây mới
10	Ô Môn	900	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 2
11	Duyên Hải	450	Xây mới
12	Long Phú	600	Xây mới
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2021 - 2025		
	Miền Bắc	**10350**	
1	Tây Hà Nội	900	Cải tạo lắp máy biến áp thứ 2
2	Bắc Ninh	1800	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
3	Vĩnh Yên	1800	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
4	Việt Trì	450	Cải tạo lắp máy biến áp 2
5	Nhiệt điện Hải Phòng 3	900	Xây mới máy biến áp liên lạc trong nhà máy điện
6	Thái Bình	600	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
7	Nho Quan	1800	Cải tạo nâng công suất 2 máy biến áp
8	Hải Phòng	900	Xây mới
9	Thanh Hóa	1200	Xây mới, nghiên cứu thêm về vị trí đặt trạm
	Miền Trung	**4500**	
1	Quảng Trị	600	Xây mới
2	Dốc Sỏi	1200	Cải tạo nâng công suất
3	Vân Phong	1800	Xây mới
4	Krông Buk	900	Xây mới, đồng bộ với Nhiệt điện khí miền Trung khi tổng công suất lớn hơn 2500 MW

TT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
	Miền Nam	**10350**	
1	Củ Chi	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
2	Bình Dương 1	900	Xây mới, chống quá tải Tân Định, Sông Mây
3	Đồng Nai 2	900	Xây mới
4	Bắc Châu Đức	900	Xây mới
5	Nhiệt điện Sơn Mỹ	450	Xây mới máy biến áp liên lạc trong nhà máy điện
6	Chơn Thành	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
7	Tây Ninh 1	1800	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
8	Đức Hòa	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
9	Long An	900	Xây mới
10	Thốt Nốt	1800	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2026 - 2030		
	Miền Bắc	**10200**	
1	Long Biên	1800	Xây mới, tăng cường cấp điện Hà Nội
2	Sơn Tây	900	Xây mới, tăng cường cấp điện Hà Nội
3	Nam Hà Nội	900	Xây mới, tăng cường cấp điện Hà Nội
4	Việt Trì	1800	Cải tạo nâng công suất 2 máy biến áp
5	Thái Nguyên	1800	Xây mới, tăng nguồn cho Thái Nguyên và khu vực lân cận
6	Bắc Giang	900	Xây mới, vị trí tại Huyện Lục Nam, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt
7	Thái Bình	600	Cải tạo lắp máy biến áp 2
8	Hải Phòng	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
9	Nhiệt điện Nam Định	600	Cải tạo máy biến áp liên lạc trong nhà máy điện

TT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
	Miền Trung	**3000**	
1	Đà Nẵng	1800	Cải tạo nâng công suất 2 máy biến áp
2	Bình Định	1200	Xây mới
	Miền Nam	**10950**	
1	Sông Mây	1800	Cải tạo nâng công suất 2 máy biến áp
2	Cầu Bông	900	Cải tạo lắp máy biến áp 3
3	Củ Chi	900	Cải tạo lắp máy biến áp 3
4	Bình Dương 1	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
5	Đồng Nai 2	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
6	Long Thành	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
7	Bắc Châu Đức	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
8	Di Linh	450	Cải tạo lắp máy 2
9	Tây Ninh 2	900	Xây mới
10	Tân Phước	600	Xây mới
11	Tiền Giang	900	Xây mới
12	Đồng Tháp	900	Xây mới

Bảng 2. Danh mục các đường dây 500 kV vận hành giai đoạn 2016 - 2030

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2016 - 2020		
	Miền Bắc		
1	Phố Nối - Rẽ Quảng Ninh - Thường Tín	2 x 0,66 + 2 x 0,57	Xây mới, Phố Nối đấu chuyển tiếp 2 mạch Quảng Ninh - Thường Tín
2	Hiệp Hòa - Phố Nối	1 x 71	Xây mới, chung cột với 2 mạch 220 kV
3	Đông Anh - Rẽ Hiệp Hòa - Phố Nối	2 x 2	Xây mới, chuyển tiếp 1 mạch
4	Vũng Áng - Rẽ Hà Tĩnh - Đà Nẵng	2 x 17	Xây mới, chuyển tiếp trên đường dây 500 kV Hà Tĩnh - Đà Nẵng
5	Lai Châu - Rẽ Sơn La Thủy điện - Lai Châu	2 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Sơn La - Lai Châu

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
6	Tây Hà Nội - Thường Tín	2 x 40	Xây mới, tăng cường độ tin cậy cấp điện Hà Nội
7	Nho Quan - Thường Tín	1 x 75	Xây mới mạch 2, đường dây 500 kV mạch đơn, kết hợp đường dây 220 kV Nho Quan - Phủ Lý
8	Nhiệt điện Thăng Long - Rẽ Quảng Ninh - Phố Nối	2 x 5	Xây mới, đồng bộ Nhiệt điện Thăng Long
9	Nghi Sơn - Rẽ Nho Quan - Hà Tĩnh	4 x 30	Xây mới, đấu chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây Nho Quan - Hà Tĩnh
10	Việt Trì - Rẽ Sơn La - Hiệp Hòa	2 x 5	Xây mới, đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Sơn La - Hiệp Hòa
11	Nhiệt điện Công Thanh - Nghi Sơn	2 x 10	Xây mới, đồng bộ Nhiệt điện Công Thanh
12	Nhiệt điện Nam Định I - Phố Nối	2 x 133	Xây mới, đồng bộ Nhiệt điện Nam Định I
	Miền Trung		
1	Pleiku 2 - Rẽ Pleiku - Cầu Bông	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch đường dây Pleku - Cầu Bông
2	Nhiệt điện Vân Phong - Vĩnh Tân	2 x 195	Xây mới, đồng bộ với Nhiệt điện Vân Phong 1
	Miền Nam		
1	Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Cầu Bông	4 x 8	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 500 kV hiện tại
2	Sông Mây - Tân Uyên	2 x 22	Xây mới
3	Mỹ Tho - Đức Hòa	2 x 60	Xây mới, chuyển đấu nối về Chơn Thành, giảm dòng ngắn mạch
4	Nhiệt điện Duyên Hải - Mỹ Tho	2 x 113	Xây mới
5	Nhiệt điện Long Phú - Ô Môn	2 x 84	Xây mới
6	Mỹ Tho - Rẽ Phú Lâm - Ô Môn và Nhà Bè - Ô Môn	4 x 1	Xây mới, đấu chuyển tiếp trên cả 2 mạch đường dây hiện có

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
7	Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên	2 x 235	Xây mới mạch 3 và 4, giải phóng công suất cụm nguồn Nhiệt điện Vĩnh Tân và Nhiệt điện Vân Phong
8	Nhiệt điện Sông Hậu - Đức Hòa	2 x 120	Xây mới, đồng bộ Nhiệt điện Sông Hậu I
9	Long Thành - Rẽ Phú Mỹ - Sông Mây	2 x 16	Xây mới, chuyển tiếp trên 1 mạch 500 kV Phú Mỹ - Sông Mây
10	Chơn Thành - Đức Hòa	2 x 127	Xây mới, mạch vòng qua Tây Ninh, tăng độ tin cậy cung cấp điện Miền Đông Nam Bộ
11	Củ Chi - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	2 x 30	Xây mới, chuyển tiếp 1 mạch
12	Vĩnh Tân 4 - Vĩnh Tân	2 x 2	Xây mới, Vĩnh Tân 4 đấu nối vào sân phân phối Vĩnh Tân
13	Chơn Thành - Rẽ Pleiku 2 - Cầu Bông	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch 500 kV
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2021 - 2025		
	Miền Bắc		
1	Thái Bình - Rẽ Nhiệt điện Nam Định I - Phố Nối	4 x 1	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch Nhiệt điện Nam Định I - Phố Nối
2	Nam Định 1 - Thanh Hóa	2 x 72	Xây mới, giải tỏa công suất nguồn nhiệt điện Bắc Trung bộ
3	Hải Phòng - Thái Bình	2 x 50	Xây mới, tăng cường cấp điện khu vực Hải Phòng
4	Hải Phòng - Nhiệt điện Hải Phòng 3	2 x 42	Xây mới, giải phóng công suất Nhiệt điện Hải Phòng 3
5	Bắc Ninh - Rẽ Đông Anh - Phố Nối	2 x 3	Xây mới, chuyển tiếp 1 mạch
6	Vĩnh Yên - Rẽ Sơn La - Hiệp Hòa và Việt Trì Hiệp Hòa	4 x 5	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch đường dây 500 kV hiện có
7	Nhiệt điện Vũng Áng 3 - Nhiệt điện Quỳnh Lập	2 x 220	Xây mới, đồng bộ Nhiệt điện Vũng Áng 3

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
8	Nhiệt điện Quỳnh Lập - Thanh Hóa	2 x 80	Xây mới
9	Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng	2 x 18	Xây mới, đồng bộ Nhiệt điện Quảng Trạch 1
10	Nhiệt điện Vũng Áng 3 - Rẽ Quảng Trạch 1 - Vũng Áng	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch, đồng bộ Nhiệt điện Vũng Áng 3
	Miền Trung		
1	Quảng Trị - Rẽ Vũng Áng - Đà Nẵng	4 x 5	Xây mới, đấu chuyển tiếp trên cả 2 mạch đường dây hiện có
2	Nhiệt điện Quảng Trị - Quảng Trị	2 x 25	Xây mới, đấu nối về thanh cái Trạm biến áp 500 kV Quảng Trị
3	Tua bin khí Miền Trung - Krông Buk	2 x 330	Xây mới, đồng bộ với Nhiệt điện khí miền Trung khi quy mô lớn hơn 2500 MW
4	Krông Buk - Tây Ninh 1	2 x 300	Xây mới, đồng bộ Nhiệt điện khí miền Trung
5	Krông Buk - Rẽ Pleku 2 - Chơn Thành	4 x 20	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch đường dây 500 kV hiện có
6	Tua bin khí Miền Trung - Dốc Sỏi	2 x 20	Xây mới, đồng bộ Nhiệt điện khí miền Trung
7	Thủy điện tích năng Bắc Ái - Rẽ Vân Phong - Vĩnh Tân	4 x 35	Xây mới, đấu chuyển tiếp cả 2 mạch đường dây Vân Phong - Vĩnh Tân
	Miền Nam		
1	Bình Dương 1 - Rẽ Sông Mây - Tân Định	2 x 30	Xây mới, đấu transit trên 1 mạch đường dây hiện có
2	Bình Dương 1 - Chơn Thành	2 x 45	Xây mới; tạo mạch vòng, nâng cao độ tin cậy cấp điện Miền Đông Nam Bộ
3	Đồng Nai 2 - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mây	4 x 5	Xây mới, chuyển tiếp trên mạch 3,4 đường dây Vĩnh Tân rẽ Sông Mây - Tân Uyên
4	Bắc Châu Đức - Rẽ Phú Mỹ - Sông Mây và Phú Mỹ Long Thành	4 x 10	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 500 kV hiện có

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
5	Nhiệt điện Sơn Mỹ - Bắc Châu Đức	2 x 80	Xây mới, đồng bộ Nhiệt điện Sơn Mỹ
6	Tây Ninh 1 - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch đường dây
7	Long An - Rẽ Nhà Bè - Mỹ Tho	2 x 15	Xây mới
8	Ô Môn - Thốt Nốt	2 x 16	Xây mới, tăng cường độ tin cậy cấp điện Miền Tây
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2026 - 2030		
	Miền Bắc		
1	Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	2 x 40	Xây mới, tăng cường độ tin cậy cấp điện thủ đô Hà Nội
2	Nam Hà Nội - Rẽ Nho Quan - Thường Tín	2 x 5	Xây mới, tăng cường nguồn cấp điện cho phía Nam Hà Nội
3	Sơn Tây - Rẽ Thủy điện tích năng Đông Phù Yên - Tây Hà Nội	4 x 1	Xây mới, tăng cường độ tin cậy cung cấp điện phía Tây Hà Nội
4	Long Biên - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	2 x 10	Xây mới, chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 500 kV hiện có
5	Hiệp Hòa - Thái Nguyên	2 x 35	Xây mới, tăng cường cấp điện khu vực Thái Nguyên
6	Bắc Giang - Rẽ Quảng Ninh - Hiệp Hòa	4 x 5	Xây mới, tăng cường nguồn cấp khu vực Đông Bắc
7	Bắc Giang - Bắc Ninh	2 x 30	Xây mới, tăng cường nguồn cấp phụ tải Bắc Ninh
8	Đấu nối Nhiệt điện than Quảng Ninh mới	340	Xây mới, cần nghiên cứu thêm
9	Vũng Áng - Nho Quan	2 x 378	Cải tạo đường dây 500 kV mạch 1 lên thành 2 mạch
10	Quỳnh Lập - Rẽ Vũng Áng - Nho Quan	2 x 30	Xây mới, đấu nối chuyển tiếp vào Nhà máy Nhiệt điện Quỳnh Lập
11	Thủy điện tích năng Đông Phù Yên - Rẽ Sơn La Việt Trì	2 x 10	Xây mới, đấu nối Thủy điện tích năng Đông Phù Yên

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
12	Thủy điện tích năng Đông Phù Yên - Rẽ Sơn La Vĩnh Yên	2 x 10	Xây mới, đấu nối Thủy điện tích năng Đông Phù Yên
13	Thủy điện tích năng Đông Phù Yên - Tây Hà Nội	2 x 105	Xây mới, đấu nối Thủy điện tích năng Đông Phù Yên
	Miền Trung		
1	Nhiệt điện Vân Phong - Bình Định	1 x 220	Xây mới đường dây 2 mạch treo trước 1 mạch
2	Bình Định - Rẽ Tua bin khí Miền Trung - Krông Buk	2 x 30	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp Bình Định
3	Dốc Sỏi - Pleiku	1 x 190	Xây mới, tăng độ tin cậy lưới điện
	Miền Nam		
1	Điện hạt nhân 1 - Bình Dương 1	2 x 250	Xây mới, đồng bộ với tổ máy số 1,2 của Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1
2	Điện hạt nhân 1 - Rẽ Vân Phong - Vĩnh Tân	4 x 15	Xây mới, đấu chuyển tiếp cả 2 mạch đường dây Vân Phong - Vĩnh Tân
3	Điện hạt nhân 2 - Rẽ Vân Phong - Điện hạt nhân 1	2 x 15	Xây mới, đồng bộ Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2
4	Điện hạt nhân 2 - Chơn Thành	2 x 292	Xây mới, đồng bộ Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2
5	Thủy điện tích năng Đơn Dương - Rẽ Điện hạt nhân 2 - Chơn Thành	4 x 10	Xây mới, đồng bộ Nhà máy thủy điện tích năng Đơn Dương
6	Tây Ninh 2 - Rẽ Tây Ninh 1 - Đức Hòa	4 x 10	Xây mới, đấu chuyển tiếp trên cả 2 mạch
7	Thốt Nốt - Tây Ninh 2	2 x 140	Xây mới, giải tỏa công suất cụm nguồn Nhiệt điện Bạc Liêu và Kiên Giang

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
8	Đường dây đấu nối Trung tâm điện lực Tân Phước	80	Xây mới, cần nghiên cứu thêm
9	Tiền Giang - Rẽ Ô Môn - Mỹ Tho	4 x 5	Xây mới, tăng cường nguồn cấp khu vực Miền Tây
10	Đấu nối Nhiệt điện Bạc Liêu 1	260	Xây mới, cần nghiên cứu thêm
11	Đồng Tháp - Rẽ Thốt Nốt - Tây Ninh 2	4 x 5	Xây mới, đấu chuyển tiếp trên cả 2 mạch

Bảng 3. Danh mục các trạm biến áp 220 kV Miền Bắc đến năm 2030

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2016 - 2020		
1	Quảng Ninh	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
2	Tràng Bạch	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
3	Vật Cách	1 x 250	Cải tạo thay máy 125 MVA
4	Hiệp Hòa	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
5	Uông Bí	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2 thuộc Nhà máy điện quản lý
6	Quang Châu	1 x 250	Xây mới
7	Hải Dương 2	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
8	Đồng Hòa	1 x 250	Cải tạo nâng công suất
9	Thủy Nguyên	1 x 250	Xây mới
10	Lạng Sơn	1 x 125	Xây mới
11	Đình Vũ	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
12	Hoành Bồ	1 x 250	Cải tạo nâng công suất
13	Hải Dương 1	1 x 250	Cải tạo nâng công suất
14	Sơn Tây	1 x 250	Xây mới
15	Tây Hồ	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
16	Long Biên	2 x 250	Xây mới, chống quá tải lưới 110 kV
17	Tây Hà Nội	2 x 250	Xây mới, lắp máy biến áp 1

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
18	Bắc Ninh 2	2 x 250	Xây mới
19	Vĩnh Yên	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
20	Đông Anh	2 x 250	Xây mới, đồng bộ đường dây 500 - 220 kV Hiệp Hòa - Bắc Ninh 2
21	Thường Tín	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
22	Vân Trì	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 3, đảm bảo N-1
23	Bắc Ninh 3 (Yên Phong)	2 x 250	Xây mới
24	Kim Động	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
25	Vĩnh Tường	2 x 250	Xây mới
26	Sơn Tây	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
27	Yên Mỹ	1 x 250	Xây mới
28	Bắc Ninh 4	1 x 250	Xây mới
29	Nho Quan	2 x 125	Cải tạo, trong trạm biến áp 500 kV Nho Quan
30	Trực Ninh	2 x 250	Xây mới
31	Thái Thụy	1 x 250	Xây mới, giải phóng công suất nguồn Nhiệt điện Thái Bình
32	Thanh Nghị	1 x 250	Xây mới
33	Ninh Bình 2	1 x 250	Xây mới, cấp điện cho thép VINAKYOEI
34	Cao Bằng	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
35	Yên Bái	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2, đấu nối Thủy điện nhỏ Yên Bái, chống quá tải mùa khô
36	Bảo Lâm	2 x 125	Xây mới, truyền tải cụm Thủy điện Bảo Lâm
37	Hà Giang	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2, truyền tải thủy điện nhỏ
38	Phú Bình	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
39	Hòa Bình	2 x 125	Cải tạo thay 2 máy biến áp do nhà máy điện quản lý

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
40	Than Uyên	1 x 250	Xây mới, giải tỏa công suất thủy điện nhỏ Lào Cai, Yên Bái
41	Lào Cai	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
42	Nghĩa Lộ	1 x 250	Xây mới, giải tỏa công suất thủy điện Tây Bắc
43	Lai Châu	2 x 250	Xây mới, truyền tải thủy điện nhỏ Lai Châu
44	Phú Thọ	2 x 250	Xây mới
45	Bảo Thắng	1 x 250	Cải tạo lắp máy 2, giải tỏa công suất thủy điện nhỏ Lào Cai
46	Bắc Kạn	1 x 125	Xây mới, cấp điện mùa khô
47	Tuyên Quang	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
48	Mường Tè	1 x 250	Xây mới, truyền tải cụm thủy điện Pắc Ma
49	Lưu Xá	1 x 250	Xây mới
50	Nghi Sơn	1 x 250	Thay máy
51	Hà Tĩnh	1 x 125	Cải tạo, lắp máy biến áp 2
52	Thanh Hóa	1 x 250	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 2
53	Bỉm Sơn	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
54	Đô Lương	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
55	Quỳnh Lưu	1 x 250	Xây mới
56	Hà Tĩnh	1 x 250	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 1
57	Vũng Áng	1 x 125	Xây mới
58	Nông Cống	1 x 250	Xây mới
59	Bắc Mê	1 x 63	Xây mới
60	Khe Thần	1 x 63	Xây mới, cấp cho phụ tải hầm lò
61	Văn Điển	2 x 100	Xây mới, lắp trước 02 máy biến áp 220/22 kV
62	Mường La	2 x 125	Xây mới, truyền tải thủy điện nhỏ Sơn La
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2021 - 2025		
1	Lạng Sơn	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
2	Dương Kinh	1 x 250	Xây mới

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
3	Yên Mỹ	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
4	Thanh Nghị	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
5	Bắc Ninh 5 (Đồng Kỵ)	1 x 250	Xây mới
6	Bá Thiện	1 x 250	Xây mới
7	Mường Tè	1 x 250	Cải tạo, lắp máy biến áp 2
8	Than Uyên	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
9	Thái Thụy	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
10	Văn Điển	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 3
11	Mê Linh	1 x 250	Xây mới
12	Ứng Hòa	1 x 250	Xây mới
13	Mỹ Đình	2 x 100	Xây mới, máy biến áp 220/22 kV
14	Mỹ Đình	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 3
15	Nhiệt điện Hải Phòng	2 x 250	Cải tạo thay 2 máy biến áp 125 MVA
16	An Lão	2 x 250	Xây mới trong trạm biến áp 500 kV Hải Phòng
17	Thủy Nguyên	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
18	Hải Dương 1	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA
19	Gia Lộc	2 x 250	Xây mới
20	Phố Cao	2 x 250	Xây mới
21	Hải Hậu	2 x 250	Xây mới
22	Vũ Thư	1 x 250	Xây mới
23	Ninh Bình 2	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
24	Cao Bằng	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA
25	Bắc Kạn	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
26	Đồng Mỏ	1 x 250	Xây mới
27	Tuyên Quang	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA
28	Đại Từ	1 x 250	Xây mới
29	Lưu Xá	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
30	Phú Thọ 2	1 x 250	Xây mới

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
31	Quang Châu	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
32	Lạng Giang	1 x 250	Xây mới
33	Bắc Ninh 4	2 x 250	Xây mới
34	Gia Lương (Bắc Ninh 6)	1 x 250	Xây mới
35	Tràng Bạch	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp thứ 2 công suất 125 MVA
36	Uông Bí	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA
37	Quảng Ninh	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA
38	Khe Thần	1 x 63	Cải tạo lắp máy biến áp 2, cấp cho phụ tải hầm lò
39	Điện Biên	2 x 125	Xây mới
40	Mường Tè	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2, truyền tải cụm thủy điện nhỏ Lai Châu
41	Yên Thủy	1 x 125	Xây mới
42	Yên Hưng	1 x 250	Xây mới
43	Bỉm Sơn	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp công suất 125 MVA
44	Sầm Sơn	2 x 250	Xây mới
45	Nông Cống	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
46	Quỳnh Lưu	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
47	Nam Cấm	1 x 250	Xây mới
48	Hà Tĩnh	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA
49	Thạch Khê	1 x 250	Xây mới
50	Vũng Áng	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2026 - 2030		
1	Đông Anh 2	2 x 250	Xây mới
2	Sóc Sơn 2	2 x 250	Xây mới
3	Long Biên 2	2 x 250	Xây mới
4	Mê Linh	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
5	Xuân Mai	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
6	Chương Mỹ	2 x 250	Xây mới
7	Ứng Hòa	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
8	Hải Hà	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
9	Đồ Sơn	1 x 250	Xây mới
10	Đại Bản	1 x 250	Xây mới
11	Tứ Kỳ	2 x 250	Xây mới
12	Phúc Điền	2 x 250	Xây mới
13	TP. Hưng Yên	1 x 250	Xây mới
14	Lý Nhân	2 x 250	Xây mới
15	Nam Định 2	1 x 250	Xây mới, sơ đồ thanh cái linh hoạt
16	Quỳnh Phụ	2 x 250	Xây mới
17	Vũ Thư	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
18	Tam Điệp	2 x 125	Xây mới
19	Cao Bằng	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA
20	Tuyên Quang	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA
21	Thủy điện Tuyên Quang	1 x 125	Cải tạo thay máy biến áp 63 MVA
22	Lục Yên	2 x 125	Xây mới
23	Đại Từ	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
24	Sông Công	1 x 250	Xây mới
25	Phú Thọ 2	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
26	Tam Dương	1 x 250	Xây mới
27	Bá Thiện	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
28	Chũ	2 x 125	Xây mới
29	Gia Lương (Bắc Ninh 6)	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
30	Thuận Thành	2 x 250	Xây mới
31	Đồng Kỵ (Bắc Ninh 7)	2 x 125	Xây mới
32	Hoành Bồ	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
33	Uông Bí	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA
34	Móng Cái	2 x 125	Xây mới
35	Hạ Long	1 x 250	Xây mới
36	Tân Lạc	1 x 125	Xây mới
37	Yên Thủy	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
38	Yên Hưng	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
39	Bỉm Sơn	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA
40	Hậu Lộc	2 x 250	Xây mới
41	Ngọc Lặc	2 x 125	Xây mới
42	Đô Lương	2 x 250	Cải tạo thay 2 máy biến áp 125 MVA
43	Tương Dương	1 x 125	Xây mới
44	Thạch Khê	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
45	Can Lộc	1 x 125	Xây mới

Bảng 4. Danh mục các đường dây 220 kV Miền Bắc đến năm 2030

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2016 - 2020		
1	Bảo Thắng - Yên Bái	2 x 117	Xây mới
2	Than Uyên - Bản Chát	2 x 26	Xây mới, giải tỏa thủy điện nhỏ Lào Cai, Yên Bái
3	Bảo Lâm - Rẽ Nho Quế Cao Bằng	2 x 5	Xây mới, truyền tải cụm thủy điện Bảo Lâm
4	Phú Thọ - rẽ Việt Trì - Yên Bái	2 x 7	Xây mới
5	Việt Trì 500 kV - Rẽ Việt Trì	4 x 10	Xây mới, đấu nối vào trạm biến áp 500 kV Việt Trì
6	Nghĩa Lộ - 500 kV Việt Trì	2 x 85	Xây mới, giải tỏa công suất thủy điện Tây Bắc
7	Nâng khả năng tải Yên Bái - Việt Trì	1 x 67	Cải tạo, giải tỏa công suất thủy điện Tây Bắc

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
8	Mường Tè - Lai Châu	2 x 80	Xây mới, truyền tải cụm thủy điện Pắc Ma
9	Rẽ - Lưu Xá	2 x 5	Xây mới
10	Huội Quảng - Nghĩa Lộ	2 x 65	Xây mới, giải tỏa công suất thủy điện Tây Bắc
11	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Vĩnh Tường	1 x 27	Cải tạo, giải tỏa công suất thủy điện Tây Bắc
12	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Vĩnh Yên	1 x 36	Cải tạo, giải tỏa công suất thủy điện Tây Bắc
13	Sơn Tây - rẽ Hòa Bình - Việt Trì	2 x 1	Xây mới
14	Đông Anh - Hiệp Hòa	2 x 24	Xây mới đường dây 3 mạch kết hợp 500, 220 kV
15	Long Biên - Rẽ Đông Anh - Bắc Ninh 2	4 x 4,5	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Long Biên
16	Đông Anh - Bắc Ninh 2	2 x 20	Xây mới đường dây 3 mạch kết hợp 500, 220 kV
17	Nâng khả năng tải Hòa Bình - Hà Đông	2 x 65	Cải tạo, đảm bảo cấp điện Hà Nội
18	Nâng khả năng tải Hòa Bình - Chèm	1 x 70	Cải tạo, đảm bảo cấp điện Hà Nội
19	Nâng khả năng tải Hà Đông - Chèm	1 x 17	Cải tạo, đảm bảo cấp điện Hà Nội
20	Đấu nối Phố Nối 500 kV - Phố Nối - Phả Lại	4 x 5	Xây mới, nằm trong dự án trạm biến áp 500 kV Phố Nối và các đường dây đấu nối
21	Phố Nối 500 kV - Bắc Ninh 2	2 x 30	Xây mới đường dây 3 mạch
22	Vĩnh Tường - Rẽ Sơn Tây Việt Trì	4 x 2	Xây mới
23	Bắc Ninh 3 - rẽ Đông Anh Hiệp Hòa	2 x 5	Xây mới
24	Tây Hà Nội - Rẽ Hà Đông - Chèm	4 x 12	Xây mới, đảm bảo cấp điện Hà Nội

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
25	Hòa Bình - Tây Hà Nội	2 x 50	Xây mới
26	Yên Mỹ - Rẽ Phố Nối Thường Tín	2 x 2	Xây mới
27	Đấu nối Bắc Ninh 4	2 x 11	Xây mới
28	Nâng khả năng tải Phả Lại - Bắc Ninh	2 x 24	Cải tạo, truyền tải nguồn Đông Bắc, chống quá tải
29	Nâng khả năng tải Phả Lại - Hiệp Hòa	1 x 58	Cải tạo, truyền tải nguồn Đông Bắc, chống quá tải
30	Nâng khả năng tải Đồng Hòa - Thái Bình	2 x 53	Cải tạo, đảm bảo tiêu chí N-1
31	Rẽ - Quang Châu	4 x 6	Xây mới
32	Thủy Nguyên - Rẽ Nhiệt điện Hải Phòng - Vật Cách	4 x 2	Xây mới
33	Lạng Sơn - Bắc Giang	2 x 95	Xây mới
34	Nhiệt điện Hải Dương - Rẽ Phả Lại - Hải Dương 2	4 x 2	Xây mới, đồng bộ Nhiệt điện Hải Dương tổ máy 1
35	Nhiệt điện Hải Dương - Phố Nối 500 kV	2 x 60	Xây mới, đồng bộ Nhiệt điện Hải Dương tổ máy 2
36	Thái Bình - Kim Động	2 x 46	Xây mới, tăng cường năng lực truyền tải
37	Trực Ninh - Rẽ Nam Định - Ninh Bình	2 x 29	Xây mới, đấu nối trạm biến áp Trực Ninh
38	Nam Định - Ninh Bình mạch 2	2 x 31	Cải tạo, giải phóng công suất Nhiệt điện Thái Bình
39	Thái Bình - Nhiệt điện Thái Bình	2 x 30	Xây mới, giải phóng công suất Nhiệt điện Thái Bình
40	Thái Thụy - Nhiệt điện Thái Bình	2 x 0,5	Xây mới, giải phóng công suất Nhiệt điện Thái Bình
41	Trực Ninh - Nhiệt điện Thái Bình	2 x 45	Xây mới, truyền tải Nhiệt điện Thái Bình
42	Nho Quan - Thanh Nghị	2 x 25	Xây mới

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
43	Nho Quan - Phủ Lý	1 x 40	Cải tạo, mạch 2, đi chung cột với đường dây 500 kV Nho Quan - Thường Tin mạch 2, đường dây 220 kV Nho Quan - Thanh Nghị
44	Ninh Bình 2 - Rẽ Ninh Bình Thái Bình	2 x 19	Xây mới
45	Vũng Áng - Ba Đồn - Đồng Hới	2 x 85	Xây mới, tăng cường truyền tải Bắc - Trung
46	Thủy điện Trung Sơn - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan	2 x 57	Xây mới, đồng bộ Thủy điện Trung Sơn
47	Thành Sơn - Rẽ Trung Sơn Nho Quan	2 x 0,5	Xây mới, đồng bộ Thủy điện Thành Sơn
48	Đồng Văn - Rẽ Hủa Na Thanh Hóa	2 x 0,5	Xây mới, đồng bộ Thủy điện Đồng Văn
49	Nâng khả năng tải Nho Quan - Thanh Hóa	1 x 62	Cải tạo, truyền tải nguồn Bắc Trung Bộ
50	Hồi Xuân - Rẽ Trung Sơn Nho Quan	2 x 16	Xây mới, đồng bộ Thủy điện Hồi Xuân
51	Rẽ - Quỳnh Lưu	4 x 5	Xây mới
52	Vũng Áng - Nhiệt điện Vũng Áng	2 x 3	Xây mới
53	Rẽ - Nông Cống	4 x 5	Xây mới
54	Việt Trì 500 kV - Rẽ Phú Thọ - Việt Trì	2 x 10	Xây mới
55	Khe Thần - Rẽ Nhiệt điện Sơn Động - Tràng Bạch	2 x 3	Xây mới, cấp điện chuyên dùng
56	Văn Điển - Rẽ Hà Đông - Thường Tín	4 x 7	Xây mới, chuyển đấu nối Văn Điển nhận điện từ 2 mạch Thủy điện Hòa Bình
57	Rẽ - Bắc Mê	2 x 1	Xây mới
58	Mường La - Rẽ 500 kV Sơn La - Sơn La	2 x 1,5	Xây mới

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
59	Việt Trì- Vĩnh Yên - Sóc Sơn	2 x 74	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
60	Sơn Tây - Hòa Bình	1 x 49	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
61	Thái Nguyên - Bắc Giang	1 x 68	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
62	Phả Lại - rẽ Nhiệt điện Hải Dương	2 x 17	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
63	Phủ Lý - Nho Quan	2 x 37	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
64	Hà Đông - Phủ Lý	1 x 43	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2021 - 2025		
1	Đấu nối Bắc Ninh 5	2 x 7	Xây mới
2	500 kV Việt Trì - Tam Dương	2 x 20	Xây mới
3	Tam Dương - Bá Thiện	2 x 18	Xây mới
4	Bá Thiện - Mê Linh	2 x 20	Xây mới
5	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì	2 x 3	Xây mới
6	Gia Lộc - Rẽ Nhiệt điện Hải Dương - Phố Nối	4 x 2	Xây mới
7	Dương Kinh - Rẽ Đồng Hòa - Đình Vũ	4 x 3	Xây mới, đấu nối trạm biến áp Dương Kinh
8	Mỹ Lý - Bản Vẽ	2 x 72	Xây mới, đồng bộ Thủy điện Mỹ Lý, treo trước 1 mạch
9	Nậm Mô 1 - Rẽ Mỹ Lý - Bản Vẽ	2 x 18	Xây mới, đồng bộ Thủy điện Nậm Mô (Việt Nam)
10	Phú Thọ 2 - Rẽ Sơn La - Việt Trì	2 x 5	Xây mới chuyển tiếp trên 1 mạch
11	Sơn La - Điện Biên	2 x 126	Xây mới
12	Vĩnh Tường - Vĩnh Yên	2 x 8	Xây mới và cải tạo, chuyển đấu nối thành đường dây 2 mạch Vĩnh Tường - Vĩnh Yên

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
13	Yên Thủy - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan	4 x 3	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
14	Đồng Mỏ - Rẽ Bắc Giang - Lạng Sơn	4 x 3	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
15	Đại Từ - Rẽ Tuyên Quang - Lưu Xá và Thủy điện Tuyên Quang - Thái Nguyên	4 x 3	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
16	Hải Phòng 500 kV - Rẽ Đồng Hòa - Thái Bình	4 x 5	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
17	Hải Phòng 500 kV - Gia Lộc	2 x 35	Xây mới, dây phân pha 4
18	Lạng Giang - Rẽ Bắc Giang - Thái Nguyên	2 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên 1 mạch
19	Bắc Ninh 500 kV - Rẽ Bắc Ninh 2 - Phố Nối 500 kV	4 x 3	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
20	Bắc Ninh 500 kV - Bắc Ninh 4	2 x 15	Xây mới, dây phân pha 4
21	Gia Lương (Bắc Ninh 6) - Rẽ Bắc Ninh 2 - Phố Nối 500 kV	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
22	Long Biên - Mai Động	2 x 20	Xây mới, dây phân pha
23	Đông Anh 500 kV - Vân Trì	2 x 16	Xây mới, dây phân pha
24	Vĩnh Yên 500 kV - Bá Thiện	2 x 10	Xây mới, dây phân pha 2 hoặc 4
25	Vĩnh Yên 500 kV - Vĩnh Yên	2 x 16	Xây mới, dây phân pha 4, kết hợp cải tạo 1 phần đường dây Vĩnh Yên - Sóc Sơn hiện có
26	Vĩnh Yên 500 kV - Rẽ Bá Thiện - Mê Linh	4 x 3	Xây mới, dây phân pha 4
27	Tây Hà Nội - Rẽ Chèm - Tây Hồ	2 x 25	Xây mới, chuyển đấu nối vào đường dây Hòa Bình - Tây Hà Nội để Thủy điện Hòa Bình cấp trực tiếp cho Chèm và Tây Hồ
28	Ứng Hòa - Rẽ Hà Đông - Phủ Lý	2 x 4	Xây mới, chuyển tiếp trên 1 mạch
29	Mỹ Đình - Rẽ Tây Hà Nội - Chèm	4 x 1	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
30	Đấu nối Nhiệt điện Hải Phòng 3	92	Xây mới, cần nghiên cứu thêm
31	Thái Bình 500 kV - Rẽ Thái Bình - Kim Động	4 x 5	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
32	Thái Bình 500 kV - Thanh Nghị	2 x 34	Xây mới, dây phân pha 2 hoặc 4
33	Phố Cao - Rẽ Thái Bình - Kim Động	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
34	Vũ Thư - Rẽ Thái Bình - Nam Định và Thái Bình - Ninh Bình 2	4 x 5	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
35	Hải Hậu - Trực Ninh	2 x 16	Xây mới
36	Thanh Hóa 500 kV - Rẽ Nghi Sơn - Ba Chè	4 x 5	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
37	Nông Cống - Rẽ Nghi Sơn - Ba Chè	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
38	Thanh Hóa 500 kV - Sầm Sơn	2 x 25	Xây mới
39	Nam Cấm - Rẽ Nhiệt điện Nghi Sơn - Vinh và Quỳnh Lưu - Vinh	4 x 3	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
40	Nhiệt điện Nghi Sơn - Rẽ Nghi Sơn - Vinh	2 x 10	Xây mới, chuyển đấu nối trạm biến áp Vinh vào trạm biến áp 500 kV Nghi Sơn
41	Treo mạch 2 Thanh Hóa - Nghi Sơn - Quỳnh Lưu	1 x 70	Treo mạch 2 của đường dây mới
42	Thạch Khê - 500 kV Hà Tĩnh	2 x 15	Xây mới
43	Ninh Bình - Tam Điệp - Bỉm Sơn	2 x 27	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
44	Sơn La - Phú Thọ - Việt Trì	1 x 192	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
45	Đấu nối Yên Hưng	2 x 12	Xây mới
46	Vân Trì - Tây Hồ	1 x 7	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2026 - 2030		
1	Lục Yên - Rẽ Bảo Thắng - Yên Bái	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
2	Sơn Tây 500 kV - Vĩnh Yên	2 x 30	Xây mới và cải tạo
3	Sơn Tây 500 kV - Sơn Tây	2 x 8	Xây mới
4	Tân Lạc - Rẽ Hòa Bình - Yên Thủy	4 x 1	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
5	Tân Lạc - Rẽ Thủy điện Trung Sơn	2 x 1	Xây mới, chuyển đấu nối cụm TĐ Trung Sơn, Bản Uôn về Tân Lạc
6	Thái Nguyên 500 kV - Rẽ Bắc Kạn - Thái Nguyên và Tuyên Quang - Thái Nguyên	4 x 3	Xây mới, chuyển tiếp trên 2 mạch
7	Rẽ - Lưu Xá	2 x 3	Xây mới, chuyển tiếp trên đường dây Tuyên Quang - Phú Bình
8	Thái Nguyên 500 kV - Thái Nguyên	2 x 5	Xây mới, chuyển đấu nối, trạm biến áp 500 kV Thái Nguyên đấu thẳng về Lưu Xá, Phú Bình
9	Nhiệt điện Sơn Động - Chũ	2 x 30	Xây mới, tăng độ tin cậy cấp điện
10	Đồng Mỏ - Chũ	2 x 30	Xây mới, tăng độ tin cậy cấp điện
11	Bắc Giang 500 kV - Rẽ Bắc Giang - Thái Nguyên	2 x 10	Xây mới
12	Bắc Giang 500 kV - Rẽ Bắc Giang - Đồng Mỏ	2 x 10	Xây mới, chuyển đấu nối, trạm biến áp 500 kV Bắc Giang đấu thẳng về Đồng Mỏ
13	Sông Công - Rẽ Phú Bình - Hiệp Hòa	4 x 5	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
14	NĐ Than Đông Bắc mới (Hải Hà 500 kV) - Móng Cái	2 x 38	Xây mới
15	Nhiệt điện Than Đông Bắc mới (Hải Hà 500 kV) - Hải Hà	2 x 3	Xây mới
16	Hạ Long - Quảng Ninh	2 x 10	Xây mới, dây phân pha 2 hoặc 4
17	Hải Phòng 500 kV - Đồ Sơn	2 x 25	Xây mới, dây phân pha 2 hoặc 4
18	Hải Phòng 500 kV - Dương Kinh	2 x 15	Xây mới, dây phân pha 4

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
19	Tứ Kỳ - Rẽ Gia Lộc - Hải Phòng 500 kV	4 x 2	Xây mới
20	Phúc Điền - Rẽ Gia Lộc - Phố Nối 500 kV	4 x 2	Xây mới
21	Đông Anh 500 kV - Đồng Ky	2 x 8	Xây mới, dây phân pha 4
22	Đông Anh 2 - Rẽ Đông Anh - Vân Trì	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
23	Sóc Sơn 2 - Rẽ Đông Anh - Hiệp Hòa	2 x 10	Xây mới, chuyển tiếp trên 1 mạch
24	Tây Hà Nội - Rẽ Hà Đông - Thành Công	2 x 12	Xây mới, chuyển đấu nối, Tây Hà Nội cấp trực tiếp cho Thành Công
25	Hà Đông - Phủ Lý	2 x 50	Cải tạo lên mạch kép
26	Chương Mỹ - Rẽ Hà Đông - Ứng Hòa	4 x 10	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
27	Ứng Hòa - Rẽ Hà Đông - Phủ Lý	2 x 4	Xây mới, chuyển tiếp trên mạch còn lại
28	Nam Hà Nội 500 kV - Rẽ Hà Đông - Phủ Lý	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
29	Thuận Thành - Rẽ Bắc Ninh - Phố Nối	2 x 6	Xây mới, chuyển tiếp trên 1 mạch
30	Long Biên 500 kV Rẽ Long Biên - Mai Động	4 x 2	Xây mới, dây phân pha 4
31	Long Biên 500 kV - Rẽ Long Biên - Bắc Ninh 2	2 x 5	Xây mới, chuyển đấu nối, Long Biên 500 kV đấu thẳng về Bắc Ninh 2
32	Thái Bình 500 kV - TP. Hưng Yên	2 x 15	Xây mới
33	Lý Nhân - Rẽ Thái Bình 500 kV - Thanh Nghị	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
34	Nam Định 2 - Rẽ Nam Định - Ninh Bình & Vũ Thư - Ninh Bình 2	4 x 3	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
35	Nam Định 2 - Rẽ đi Trực Ninh	2 x 2	Xây mới, chuyển đấu nối, Nam Định 2 đấu thẳng về Trực Ninh

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
36	Quỳnh Phụ - Rẽ Hải Phòng 500 kV - Thái Bình	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
37	Thanh Hóa 500 kV - Hậu Lộc	2 x 27	Xây mới, dây phân pha 4
38	Nhiệt điện Nam Định I - Hậu Lộc	2 x 40	Xây mới
39	Nhiệt điện Nam Định I - Ninh Bình 2	2 x 25	Xây mới
40	Nhiệt điện Nam Định I - Hải Hậu	2 x 10	Xây mới
41	Tam Điệp - Rẽ Bỉm Sơn - Ninh Bình	2 x 5	Xây mới, chuyển tiếp trên 1 mạch
42	Can Lộc - Rẽ Vinh - Hà Tĩnh	4 x 2	Xây mới, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
43	Tương Dương - Rẽ Thủy điện Bản Vẽ - Đô Lương	2 x 3	Xây mới, chuyển tiếp trên 1 mạch
44	Tương Dương - Rẽ Nậm Mô Bản Vẽ	1 x 6	Xây mới, chuyển đấu nối Nậm Mô - Tương Dương
45	Tương Dương - Đô Lương	1 x 118	Xây mới, đảm bảo N-1
46	Đô Lương - Nam Cấm	2 x 45	Xây mới, đảm bảo N-1
47	500 kV Hà Tĩnh - Hưng Đông	2 x 63	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
48	Phú Thọ - Việt Trì	2 x 34	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1

Bảng 5. Danh mục các trạm biến áp 220 kV Miền Trung đến năm 2030

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2016 - 2020		
1	Dốc Sỏi	1 x 125	Cải tạo thay máy biến áp 63 MVA
2	Ngũ Hành Sơn	1 x 250	Xây mới (tên cũ: trạm Quận 3)
3	Hòa Khánh	1 x 250	Cải tạo thay máy 125 MVA chống quá tải
4	Sơn Hà	2 x 125	Xây mới, phụ thuộc tiến độ thủy điện

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
5	Thạnh Mỹ	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2, truyền tải thủy điện nhỏ, chống quá tải máy biến áp 1
6	Hải Châu	1 x 250	Xây mới, chống quá tải
7	Phong Điền	1 x 125	Xây mới, tăng độ tin cậy
8	Quảng Ngãi	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2, chống quá tải
9	Đông Hà	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2, cấp điện mùa khô
10	Duy Xuyên	1 x 125	Xây mới
11	Kon Tum	1 x 125	Xây mới, truyền tải các thủy điện khu vực Kon Tum
12	Buôn Kuốp	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2, chống quá tải, thuộc nhà máy điện quản lý
13	Krông Buk	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1 chống quá tải
14	Đăk Nông	2 x 125	Xây mới
15	Chư Sê	1 x 125	Xây mới
16	Tuy Hòa	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2 chống quá tải
17	Quy Nhơn	1 x 250	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 2
18	Phù Mỹ	1 x 125	Xây mới, đảm bảo độ tin cậy
19	Nha Trang	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 125 MVA
20	Tháp Chàm	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
21	Vân Phong	1 x 250	Xây mới
22	Phước An	1 x 125	Xây mới, lắp máy biến áp trong trạm cắt
23	Pleiku	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
24	Điện phân Nhôm	6 x 174	Xây mới 6 máy biến áp 220/99/22 kV - 174/174/65 MVA và 2 máy biến áp 220/22/10 kV - 70 MVA
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2021 - 2025		
1	Ba Đồn	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
2	Huế	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
3	Tam Kỳ	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
4	Đông Hà	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
5	Krông Ana	2 x 125	Xây mới
6	Chư Sê	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
7	Tuy Hòa	1 x 250	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 1
8	Cam Ranh	1 x 250	Xây mới
9	Lao Bảo	1 x 125	Xây mới, đấu nối các Nhà máy điện gió
10	Kon Tum	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
11	Đồng Hới	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
12	Hòa Khánh	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
13	Tam Hiệp	2 x 125	Xây mới
14	Dung Quất	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
15	Dung Quất 2	1 x 250	Xây mới
16	Phước An	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
17	Phù Mỹ	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
18	Cam Ranh	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
19	Ninh Hòa	2 x 250	Xây mới
20	KrongBuk	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
21	Buôn Kuốp	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
22	Chân Mây	1 x 125	Xây mới
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2026 - 2030		
1	Đồng Hới	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
2	Lao Bảo	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
3	Đông Hà	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
4	Ngũ Hành Sơn	1 x 250	Cải tạo lắp máy 2 (tên cũ: trạm Quận 3)
5	An Đồn	1 x 250	Xây mới

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
6	Thạnh Mỹ	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
7	Tam Kỳ	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
8	Tam Hiệp	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
9	Bắc Chu Lai	1 x 125	Xây mới
10	Huế	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
11	Chân Mây	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
12	Liên Chiểu	2 x 250	Xây mới
13	Dốc Sỏi	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
14	Dung Quất 2	1 x 250	Cải tạo
15	Dung Quất	2 x 250	Cải tạo thay 2 máy biến áp
16	Quảng Ngãi	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
17	Quảng Ngãi 2	1 x 250	Xây mới
18	Phước An	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
19	Phù Mỹ	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
20	Sông Cầu	2 x 125	Xây mới
21	Nhơn Hội	1 x 250	Xây mới
22	Vân Phong	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
23	Bờ Y	1 x 125	Xây mới
24	Plei Ku	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
25	Buôn Kuốp	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2

Bảng 6. Danh mục các đường dây 220 kV Miền Trung đến năm 2030

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2016 - 2020		
1	Ngũ Hành Sơn - Rẽ Đà Nẵng Tam Kỳ	2 x 12	Xây mới
2	Đồng Hới - Đông Hà	2 x 108	Xây mới mạch 2, tăng cường truyền tải Bắc - Trung

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
3	Đông Hà - Huế	2 x 68	Xây mới mạch 2, tăng cường truyền tải Bắc - Trung
4	Phong Điền - Rẽ Đồng Hới - Huế	4 x 5	Xây mới
5	Hòa Khánh - Hải Châu	2 x 10	Xây mới
6	Duy Xuyên - Rẽ Đà Nẵng - Tam Kỳ	4 x 2	Xây mới
7	Xê Ka Man 1 - Pleiku	2 x 133	Xây mới, sử dụng tuyến 500 kV đã khảo sát (trên lãnh thổ Việt Nam)
8	Pleiku 2 - Rẽ Pleiku - Sê San 4	4 x 16	Xây mới, đấu nối vào trạm biến áp 500 kV Pleiku 2
9	Đấu nối Nhà máy Điện phân nhôm	6 x 10	Xây mới
10	Điện sinh khối An Khê - Rẽ Pleiku TĐ An Khê	2 x 1	Xây mới, giải tỏa công suất Điện sinh khối An Khê
11	Pleiku 2 - Rẽ Pleiku - KrongBuk	2 x 13	Xây mới, đấu nối vào trạm biến áp 500 kV Pleiku 2
12	Pleiku 2 - KrongBuk	1 x 141	Xây mới, mạch 2, nâng cao độ tin cậy
13	An Khê - Pleiku 2	1 x 120	Xây mới mạch 2, nâng cao độ tin cậy
14	An Khê - Quy Nhơn	1 x 46	Xây mới mạch 2, đảm bảo N-1
15	Quảng Ngãi - Phước An	2 x 135	Xây mới
16	Phù Mỹ - Rẽ Phước An - Quảng Ngãi	2 x 2	Xây mới
17	Thượng KonTum - Quảng Ngãi	2 x 76	Xây mới, đồng bộ Nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum
18	Chư Sê - Rẽ Pleiku Krông Buk	2 x 2	Xây mới
19	Đức Trọng - rẽ Đa Nhim Di Linh	2 x 7	Xây mới
20	Tuy Hòa - Nha Trang	1 x 129	Cải tạo treo mạch 2

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
21	Nha Trang - Tháp Chàm	2 x 105	Xây mới, giải tỏa công suất Vĩnh Tân
22	Vân Phong - Rẽ Nha Trang - Tuy Hòa	4 x 3	Xây mới
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2021 - 2025		
1	500 kV Thạnh Mỹ - Duy Xuyên	2 x 57	Xây mới, tăng độ tin cậy cấp điện Thành phố Đà Nẵng
2	Krông Ana - Rẽ Krông Buk - Buôn Kướp	2 x 12	Xây mới
3	Cam Ranh - Rẽ Tháp Chàm Nha Trang	4 x 2	Xây mới
4	Lao Bảo - Đông Hà	2 x 52	Xây mới, truyền tải điện gió
5	Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	2 x 15	Xây mới, tăng độ tin cậy cấp điện Thành phố Đà Nẵng
6	Tam Hiệp - Dốc Sỏi	2 x 14	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Tam Hiệp
7	Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	1 x 60	Cải tạo mạch 2
8	Dung Quất 2 - Nhiệt điện Dung Quất	2 x 15	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Dung Quất 2
9	Nhiệt điện Dung Quất - Rẽ Dung Quất - Dốc Sỏi	4 x 1	Xây mới, giải tỏa công suất Nhiệt điện Dung Quất
10	Nhiệt điện Dung Quất - Dốc Sỏi	2 x 5	Xây mới, giải tỏa công suất Nhiệt điện Dung Quất
11	Nha Trang - KrôngBuk	1 x 147	Xây mới mạch 2
12	Ninh Hòa - Rẽ Tuy Hòa Nha Trang	4 x 5	Xây mới
13	TC 220 kV trạm biến áp 500 kV KrôngBuk - KrôngBuk	4 x 30	Xây mới, đấu nối phía 220 kV trạm biến áp 500 kV KrôngBuk

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
14	TC 220 kV trạm biến áp 500 kV Vân Phong - Ninh Hòa	2 x 25	Xây mới, giải tỏa công suất Nhiệt điện Vân Phong 1
15	TC 220 kV trạm biến áp 500 kV Vân Phong - Rẽ Ninh Hòa - Tuy Hòa	2 x 25	Xây mới, giải tỏa công suất Nhiệt điện Vân Phong 1
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2026 - 2030		
1	An Đồn - Rẽ Hải Châu - Ngũ Hành Sơn (Quận Ba)	2 x 1	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV An Đồn
2	Bắc Chu Lai - Rẽ Tam Kỳ - Dốc Sỏi	4 x 3	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Bắc Chu Lai
3	Quảng Ngãi 2 - Rẽ Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	4 x 3	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Quảng Ngãi 2
4	Bờ Y - KonTum	2 x 60	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Bờ Y
5	TC 220 kV trạm biến áp 500 kV Bình Định - Rẽ Phước An - Phù Mỹ	4 x 20	Xây mới, đấu nối phía 220 kV trạm biến áp 500 kV Bình Định
6	TC 220 kV trạm biến áp 500 kV Bình Định - Nhơn Hội	2 x 22	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Nhơn Hội
7	Sông Cầu - Rẽ Quy Nhơn - Tuy Hòa	2 x 3	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Sông Cầu
8	Nhơn Hội - Sông Cầu	2 x 75	Xây mới
9	Sông Cầu - Tuy Hòa	2 x 40	Xây mới
10	Nhiệt điện Vân Phong - Rẽ Ninh Hòa Vân Phong	2 x 25	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Vân Phong
11	Nha Trang - Ninh Hòa	2 x 129	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1

Bảng 7. Danh mục các trạm biến áp 220 kV Miền Nam đến năm 2030

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2016 - 2020		
1	Đức Trọng	2 x 125	Xây mới, tăng độ tin cậy cấp điện
2	Tháp Chàm	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
3	Hàm Tân	1 x 250	Xây mới, tăng tin cậy cấp điện
4	Hàm Tân	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
5	Bảo Lộc	1 x 125	Cải tạo thay máy biến áp 63 MVA
6	Đa Nhim	2 x 125	Cải tạo thay máy biến áp
7	Vũng Tàu	2 x 250	Xây mới, tăng độ tin cậy cấp điện Thành phố Vũng Tàu
8	Mỹ Xuân	2 x 250	Xây mới, chống quá tải Phú Mỹ
9	Tân Thành	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 3, chống quá tải, cung cấp cho Tổ hợp hóa dầu miền Nam
10	Châu Đức	1 x 250	Xây mới, cấp điện Khu công nghiệp Châu Đức
11	Trị An	1 x 250	Cải tạo thay máy 125MVA
12	Thuận An	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
13	Bình Long	1 x 250	Cải tạo
14	Tân Uyên	2 x 250	Xây mới, tiến độ đồng bộ với trạm 500 kV Tân Uyên
15	Đức Hòa 1	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
16	Tây Ninh 2	1 x 250	Xây mới, cấp điện Khu công nghiệp Phước Đông Bời Lời
17	TP. Nhơn Trạch	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2, giảm tải Long Thành
18	Tam Phước	1 x 250	Xây mới
19	Uyên Hưng	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
20	Chơn Thành (Bình Long 2)	1 x 250	Xây mới, trong trạm biến áp 500 kV Chơn Thành
21	Bến Cát	2 x 250	Xây mới
22	Bến Cát 2	2 x 250	Xây mới

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
23	Bình Long	1 x 250	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 1
24	Quận 8	2 x 250	Xây mới
25	Công nghệ cao	2 x 250	Xây mới
26	Vĩnh Lộc	1 x 250	Cải tạo, thay trạm tạm bằng trạm chính thức
27	Tân Cảng	2 x 250	Xây mới
28	Đầm Sen	2 x 250	Xây mới
29	Thủ Thiêm	1 x 250	Xây mới
30	Tân Sơn Nhất	2 x 250	Xây mới
31	Mỏ Cày	1 x 125	Xây mới
32	Trà Vinh	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
33	Cao Lãnh	2 x 250	Cải tạo thay 2 máy biến áp 125 MVA
34	Cần Đước	1 x 250	Xây mới
35	Bến Lức	1 x 250	Xây mới, giảm tải Long An
36	Trà Nóc	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 100 MVA
37	Sa Đéc	2 x 250	Xây mới
38	Long Xuyên 2	1 x 250	Xây mới
39	Kiên Bình	2 x 250	Cải tạo, tăng cường cấp điện Phú Quốc
40	Sóc Trăng	1 x 250	Cải tạo máy biến áp 1 đã đầy tải
41	Rạch Giá	1 x 250	Cải tạo nâng công suất
42	Châu Thành (Hậu Giang)	1 x 250	Xây mới
43	Cần Thơ	1 x 250	Xây mới
44	Vĩnh Long 2	1 x 250	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 2
45	Trà Vinh	1 x 250	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 1
46	Giá Rai	1 x 125	Xây mới, tránh quá tải lưới 110 kV
47	Cà Mau	1 x 250	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 1
48	An Phước	2 x 250	Xây mới
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2021 - 2025		
1	Tây Ninh	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
2	Xuân Lộc	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
3	VSIP	2 x 250	Xây mới
4	Bình Long 2	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
5	Cần Đước	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
6	Bến Lức	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
7	Long Xuyên 2	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
8	Giá Rai	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
9	Thốt Nốt	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp
10	Phan Rí	1 x 250	Xây mới
11	Châu Đức	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
12	Đất Đỏ	2 x 250	Xây mới
13	Bắc Châu Đức	2 x 250	Xây mới trong trạm biến áp 500 kV
14	Khu công nghiệp Phú Mỹ 3	2 x 250	Xây mới
15	Thủ Thiêm	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
16	Quận 7	2 x 250	Xây mới
17	Củ Chi 2	2 x 250	Xây mới
18	Bình Chánh 1	2 x 250	Xây mới
19	Bình Long	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
20	Phước Long	1 x 250	Xây mới, máy biến áp 1
21	Tây Ninh 2	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
22	Tân Biên	2 x 250	Xây mới
23	Phước Đông	1 x 250	Xây mới
24	Chơn Thành	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2, máy biến áp nối cấp trong trạm 500 kV
25	Lai Uyên	2 x 250	Xây mới
26	Tân Định 2	2 x 250	Xây mới
27	Bình Mỹ	1 x 250	Xây mới
28	Trị An	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
29	Long Khánh	2 x 250	Xây mới
30	Định Quán	2 x 250	Xây mới
31	Khu công nghiệp Nhơn Trạch	2 x 250	Xây mới

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
32	Đức Hòa	1 x 250	Xây mới, lắp máy biến áp 1, nối cấp trong trạm biến áp 500 kV Đức Hòa
33	Đức Hòa 2	2 x 250	Xây mới
34	Đức Hòa 3	2 x 250	Xây mới
35	Lấp Võ	1 x 250	Xây mới
36	Châu Thành	1 x 250	Xây mới
37	Gò Công	1 x 250	Xây mới
38	Bến Tre	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
39	Mỏ Cày	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
40	Trà Nóc	1 x 250	Cải tạo thay máy 2 công suất 125 MVA
41	Ô Môn	2 x 250	Cải tạo thay 2 máy biến áp
42	Cần Thơ	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
43	Duyên Hải	1 x 250	Xây mới
44	Mỹ Tú	1 x 125	Xây mới
45	Cái Bè	1 x 250	Xây mới
46	Châu Thành	1 x 125	Xây mới
47	Trạm cắt Hòn Đất		Xây mới, đấu nối Nhiệt điện Kiên Giang
48	Năm Căn	1 x 250	Xây mới (tên cũ: Cái Nước)
49	Long Sơn	1 x 250	Xây mới, cấp điện đảo Long Sơn
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2026 - 2030		
1	Bảo Lộc	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
2	Đức Trọng	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
3	Ninh Phước	1 x 250	Xây mới
4	Hàm Thuận	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
5	Phan Thiết	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 1
6	Phan Rí	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
7	Bà Rịa	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
8	TP. Phú Mỹ	2 x 250	Xây mới
9	Nam Hiệp Phước	2 x 250	Xây mới
10	Bình Chánh 2	2 x 250	Xây mới

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
11	Phú Hòa Đông	1 x 250	Xây mới
12	Tây Bắc Củ Chi	1 x 250	Xây mới
13	Đồng Xoài	1 x 250	Xây mới
14	Phước Đông	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
15	Bến Cầu	2 x 250	Xây mới
16	Tây Ninh	2 x 250	Xây mới, nối cấp trong trạm biến áp 500 kV Tây Ninh
17	Tây Ninh 3	2 x 250	Xây mới
18	Bình Mỹ	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
19	Phú Giáo	1 x 250	Xây mới
20	Hố Nai	2 x 250	Xây mới
21	Biên Hòa	2 x 250	Xây mới, giảm tải Long Bình
22	Dầu Giây	2 x 250	Xây mới
23	Tam Phước	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
24	Đức Hòa	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2, nối cấp trong trạm biến áp 500 kV Đức Hòa
25	Tân An	2 x 250	Xây mới
26	Đức Hòa 4	2 x 250	Xây mới
27	Thanh Bình	2 x 250	Xây mới
28	Hồng Ngự	1 x 250	Xây mới
29	Châu Thành (Hậu Giang)	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
30	Chợ Mới	1 x 250	Xây mới
31	Gò Công	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2
32	Vĩnh Long 3	2 x 250	Xây mới
33	Ba Tri	1 x 250	Xây mới
34	Vĩnh Thuận	1 x 250	Xây mới
35	Thốt Nốt	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
36	Trà Vinh	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
37	Sóc Trăng	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2

TT	Tên công trình	Số máy x MVA	Ghi chú
38	Mỹ Tú	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
39	Châu Thành	1 x 125	Cải tạo lắp máy biến áp 2
40	Hòn Đất	1 x 250	Xây mới, lắp máy biến áp 1
41	Bạc Liêu 2	1 x 250	Cải tạo thay máy biến áp 2
42	Năm Căn	1 x 250	Cải tạo lắp máy biến áp 2

Bảng 8. Danh mục các đường dây 220 kV Miền Nam đến năm 2030

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2016 - 2020		
1	Phan Thiết - Tân Thành (KCN Phú Mỹ 2)	2 x 144	Xây mới, giải tỏa công suất Vĩnh Tân
2	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Mỹ Xuân	2 x 5	Cải tạo chống quá tải
3	Mỹ Xuân - Rẽ Phú Mỹ - Cát Lái	4 x 0,5	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp Mỹ Xuân
4	Hàm Tân - Rẽ Phan Thiết Tân Thành	4 x 1	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp Hàm Tân
5	Di Linh - Bảo Lộc	1 x 34	Xây mới, xem xét cột 2 mạch treo trước 1 mạch
6	Châu Đức - Rẽ Hàm Tân - Tân Thành	4 x 2	Xây mới
7	Nhiệt điện Phú Mỹ - Tân Thành	2 x 11	Cải tạo đường dây 110 kV Nhiệt điện Phú Mỹ - Tân Thành thành đường dây 4 mạch
8	Cầu Bông - Hóc Môn - rẽ Bình Tân	4 x 7	Xây mới, xem xét cột 6 mạch
9	Cầu Bông - Đức Hòa	4 x 12	Xây mới
10	Công nghệ cao - Cát Lái	2 x 6,5	Xây mới, vận hành tạm 110 kV
11	Phú Lâm - Hóc Môn	2 x 19	Cải tạo 1 mạch thành 2 mạch
12	Bình Chánh - Quận 8	2 x 6,5	Xây mới, cáp ngầm
13	500 Mỹ Tho - Rẽ Long An Cai Lậy	4 x 3	Xây mới

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
14	Đấu nối Bến Lức	2 x 10	Xây mới
15	Tây Ninh - Bình Long	2 x 64	Xây mới, tăng tin cậy cung cấp điện
16	Tân Uyên - Thuận An	2 x 8	Xây mới và cải tạo, khai thác trạm 500 kV Tân Uyên
17	Tân Uyên - Rẽ Thủ Đức - Long Bình	4 x 8	Xây mới, đồng bộ trạm 500 kV Tân Uyên
18	Tây Ninh 2 - Rẽ Trảng Bàng Tây Ninh	2 x 5	Xây mới
19	Tân Cảng - Cát Lái	2 x 14	Xây mới, cáp ngầm
20	Nhánh rẽ Vĩnh Lộc vào Hóc Môn - Bình Tân	2 x 5	Xây mới, chuyển tiếp trên mạch 2
21	Tam Phước - Rẽ Long Thành - Long Bình	2 x 2	Xây mới
22	Phú Lâm - Đầm Sen	2 x 8	Xây mới
23	Đấu nối Thủ Thiêm	4 x 0,5	Xây mới
24	Bến Cát - Rẽ Bình Long - Mỹ Phước	4 x 2	Xây mới
25	Chơn Thành - Rẽ Bình Long - Mỹ Phước	4 x 10	Xây mới
26	Chơn Thành - Bến Cát	2 x 50	Xây mới
27	Hiệp Bình Phước - Tân Sơn Nhất	2 x 7	Xây mới
28	Biên Hòa - Rẽ Tân Uyên Long Bình	4 x 1	Xây mới
29	Sông Mây - Tam Phước	2 x 20	Xây mới, giảm tải Sông Mây - Long Bình
30	An Phước - Rẽ Long Bình Long Thành	4 x 5	Xây mới
31	Cát Lái - Thủ Đức	2 x 9	Cải tạo nâng khả năng tải
32	Cần Đước - Rẽ Phú Mỹ - Mỹ Tho	4 x 5	Xây mới
33	Sa Đéc - Rẽ Vĩnh Long 2 - Ô Môn	2 x 5	Xây mới

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
34	Long Xuyên 2 - Rẽ Thốt Nốt Châu Đốc	4 x 6	Xây mới
35	Cai Lậy - Cao Lãnh máy 2	1 x 54	Xây mới
36	Cao Lãnh - Thốt Nốt máy 2	1 x 27	Xây mới
37	Nhiệt điện Long Phú - Cần Thơ - Trà Nóc	2 x 95	Xây mới, giải tỏa công suất Nhiệt điện Long Phú 1
38	Treo mạch 2 Đường dây Sóc Trăng - Ô Môn	1 x 80	Cải tạo, giải tỏa công suất Nhiệt điện Long Phú 1
39	500 kV Đức Hòa - Đức Hòa 1	4 x 22	Xây mới, đường dây 4 mạch, treo trước 2 mạch
40	Nâng khả năng tải Bến Tre - Mỹ Tho	2 x 16	Cải tạo, giải tỏa công suất Nhiệt điện Duyên Hải 1, 3
41	Nhiệt điện Long Phú - Sóc Trăng	2 x 25	Xây mới, đồng bộ Nhiệt điện Long Phú I
42	Châu Thành (Hậu Giang) - Rẽ Ô Môn - Sóc Trăng	4 x 5	Xây mới
43	500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Long An	2 x 20	Xây mới
44	Đầm Sen - Tân Sơn Nhất	2 x 6	Xây mới
45	Tân Sơn Nhất - Thuận An	2 x 15	Xây mới
46	500 kV Long Thành - Công nghệ cao	2 x 25	Xây mới, tăng cường cấp điện Thành phố Hồ Chí Minh
47	500 kV Long Thành - rẽ Long Thành Long Bình	4 x 12	Xây mới, đấu nối chuyển tiếp trên cả 2 mạch đường dây hiện có
48	Bến Cát 2 - Rẽ Tân Định - Củ Chi	4 x 2	Xây mới
49	Bến Cát - Bến Cát 2	2 x 20	Xây mới, chuyển đấu nối thành Chơn Thành - Bến Cát 2
50	Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc	2 69	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
51	Củ Chi - Trảng Bàng	2 15	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
52	Giá Rai - Rẽ Nhiệt điện Cà Mau - Bạc Liêu 2	4 x 2	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Giá Rai
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2021 - 2025		
1	Bảo Lộc - Sông Mây	1 x 127	Cải tạo, mạch 2, nâng cao độ tin cậy
2	Định Quán - Rẽ Bảo Lộc - Sông Mây	4 x 1	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Định Quán
3	Phan Rí - Rẽ Phan Thiết - Vĩnh Tân	4 x 2	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Phan Rí
4	Bắc Châu Đức - Rẽ Tân Thành - Châu Đức	4 x 10	Xây mới
5	Sơn Mỹ - Rẽ Hàm Tân - Châu Đức	4 x 4	Xây mới
6	Đất Đỏ - Rẽ Sơn Mỹ - Châu Đức	4 x 2	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Đất Đỏ
7	Khu công nghiệp Phú Mỹ 3 - Rẽ Tân Thành - Bắc Châu Đức	4 x 6	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Khu công nghiệp Phú Mỹ 3
8	Tao Đàn - Tân Cảng	2 x 7	Xây mới, cáp ngầm
9	Bình Chánh 1 - Cầu Bông	2 x 13	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Bình Chánh 1
10	Củ Chi 2 - Rẽ Củ Chi - Cầu Bông	4 x 1	Xây mới
11	Thủ Thiêm - Rẽ Cát Lái - Tân Cảng	2 x 2	Xây mới, cáp ngầm
12	Quận 7 - Nhà Bè	2 x 6	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Quận 7
13	Bình Dương - Rẽ Uyên Hưng - Sông Mây	4 x 2	Xây mới
14	Bình Mỹ - Rẽ Sông Mây - Bình Dương	4 x 2	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Bình Mỹ
15	VSIP - Rẽ Bình Hòa - Thuận An	4 x 2	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV VSIP

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
16	Tân Định 2 - Rẽ Tân Định - Bến Cát	4 x 2	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Tân Định 2
17	Lai Uyên - Rẽ Chơn Thành - Mỹ Phước	4 x 2	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Lai Uyên
18	Tân Biên - Tây Ninh	2 x 30	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Tân Biên
19	Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Tây Ninh - Rẽ Tây Ninh - Tràng Bảng	4 x 1	Xây mới, đấu nối phía 220 kV trạm biến áp 500 kV Tây Ninh
20	Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Tây Ninh - Phước Đông	2 x 36	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Phước Đông
21	Long Khánh - Rẽ Long Thành - Xuân Lộc	4 x 2	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Long Khánh
22	TP Nhơn Trạch - Khu công nghiệp Nhơn Trạch	2 x 3	Xây mới
23	Khu công nghiệp Nhơn Trạch - 500 kV Long Thành	2 x 30	Xây mới
24	Đức Hòa 3 - Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Đức Hòa	2 x 6	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Đức Hòa 3
25	Châu Thành - Rẽ Châu Đốc - Thốt Nốt	4 x 2	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Châu Thành (An Giang)
26	Lấp Võ - TC 220 kV trạm biến áp 500 kV Thốt Nốt	2 x 22	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Lấp Võ
27	Đấu nối Nhiệt điện Kiên Giang	20	Xây mới, cần nghiên cứu thêm
28	Thanh cái Hòn Đất - Rẽ Kiên Bình - Rạch Giá	2 x 2	Xây mới
29	Cái Bè - Rẽ Cao Lãnh - Cai Lậy	4 x 3	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Cái Bè
30	Châu Thành - Rẽ Ô Môn - Long Phú	4 x 2	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Châu Thành (Sóc Trăng)

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
31	Mỹ Tú - Rẽ Châu Thành - Long Phú	2 x 2	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Mỹ Tú
32	Ninh Kiều - Rẽ Trà Nóc - Long Phú	4 x 4	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Ninh Kiều
33	Năm Căn - Cà Mau 2	2 x 55	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Năm Căn
34	Duyên Hải 2 - Rẽ Nhiệt điện Duyên Hải - Mỏ Cày	4 x 2	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Duyên Hải 2
35	Gò Công - Cần Đước	2 x 20	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Gò Công
36	Ô Môn - Sa Đéc - Vĩnh Long - Cai Lậy	2 x 75	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
37	Xuân Lộc - Long Khánh - Long Thành	2 x 58	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
38	Mỹ Tho - Long An	2 x 27	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
39	Đấu nối NĐ Long An 1	60	Xây mới, cần nghiên cứu thêm
40	Rạch Giá - Hòn Đất	2 x 40	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
41	Phú Lâm - Vĩnh Lộc - Hóc Môn	2 x 36	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
42	Long Sơn - Rẽ Châu Đức - Khu công nghiệp Phú Mỹ 3	2 x 8	Xây mới
43	Phước Long - Rẽ Bình Long - Đắk Nông	2 x 5	Xây mới
	Các công trình xây dựng giai đoạn 2026 - 2030		
1	Ninh Phước - Rẽ Tháp Chàm - Vĩnh Tân	4 x 2	Xây mới
2	Sông Mây - Long Bình	1 x 17	Cải tạo, mạch 2, nâng cao độ tin cậy
3	Hố Nai - Rẽ Sông Mây - Tam Phước	4 x 2	Xây mới

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
4	TP Phú Mỹ - Rẽ Bắc Châu Đức - Khu công nghiệp Phú Mỹ 3	4 x 8	Xây mới
5	Phú Giáo - Rẽ Uyên Hưng - Bình Dương 1	4 x 4	Xây mới
6	Phú Hòa Đông - Rẽ Củ Chi 2 - Củ Chi	4 x 2	Xây mới
7	Củ Chi 3 - Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Củ Chi	2 x 5	Xây mới
8	Tây Ninh 3 - Rẽ Tây Ninh 2 - Thanh cái Tây Ninh 1	4 x 3	Xây mới
9	TC 220 kV trạm biến áp 500 kV Tây Ninh - Rẽ Tây Ninh 2 - Tràng Bảng	4 x 2	Xây mới
10	Bình Long 2 - Rẽ Bình Long - Chơn Thành	4 x 4	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Bình Long 2
11	Bến Cầu - Rẽ Thanh cái Tây Ninh 2 - Tràng Bảng	4 x 4	Xây mới
12	Đức Hòa 4 - TC 220 kV trạm 500 kV Đức Hòa	2 x 7	Xây mới
13	Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Bến Lức	2 x 20	Xây mới
14	Bình Chánh 2 - Rẽ Phú Lâm - Thanh cái Đức Hòa	4 x 2	Xây mới
15	Dầu Giây - Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Đồng Nai 2	2 x 20	Xây mới
16	Biên Hòa - Rẽ Long Bình - Thanh cái Tân Uyên	4 x 2	Xây mới
17	Hồng Ngự - Châu Đốc	2 x 34	Xây mới
18	Hồng Ngự - Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Đồng Tháp	2 x 24	Xây mới

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
19	Thanh Bình - TC 220 kV trạm biến áp 500 kV Đồng Tháp	2 x 7	Xây mới
20	Chợ Mới - Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Đồng Tháp	2 x 12	Xây mới
21	Chợ Mới - Châu Thành	2 x 15	Xây mới
22	Vĩnh Thuận - Rẽ Rạch Giá - Nhiệt điện Cà Mau	2 x 2	Xây mới
23	Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Tiền Giang - Rẽ Vĩnh Long 2 - Sa Đéc	4 x 15	Xây mới
24	Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Tiền Giang - Rẽ Cao Lãnh - Cái Bè	4 x 4	Xây mới
25	Vĩnh Long 3 - Rẽ Vĩnh Long 2 - Trà Vinh	4 x 2	Xây mới
26	Ba Tri - Bến Tre	2 x 18	Xây mới
27	Tân An - Rẽ Mỹ Tho - Cần Đước	4 x 5	Xây mới
28	Đấu nối Nhiệt điện Long An 2	62	Xây mới, cần nghiên cứu thêm
29	Đồng Xoài - Chơn Thành	2 x 39	Xây mới
30	Nam Hiệp Phước - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đước	4 x 2	Xây mới
31	Đấu nối Trung tâm Điện lực Tân Phước	120	Xây mới, cần nghiên cứu thêm
32	Cà Mau 2 - NĐ Cà Mau	2 x 6	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
33	Chơn Thành - Bình Long	2 x 30	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
34	Tân Định - Bình Hòa - Vsip - Hóc Môn	2 x 22	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng